



CAMIMEX

CAMAU FROZEN SEAFOOD PROCESSING
IMPORT EXPORT CORPORATION

Head Office:

Add : 333 Cao Thang Str., Ward 8,
Ca Mau City, Ca Mau Province, Vietnam
Tel : (84 780) 3831608 - 3838874
Fax : (84 780) 3832297 - 3580827
Email : camimex@hcm.vnn.vn
Website : www.camimex.com.vn

Representative Office:

Add: Level 8, 63^A Vo Van Tan Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: (84 8) 3933 0556
Fax: (84 3) 3933 0557

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015



Organic
Products Certified by
Naturland

THƯ NGỎ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa quý cổ đông!

Năm 2015, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam chỉ đạt 6,57 tỷ USD giảm 16,1% so với năm 2014. Giá trị xuất khẩu tất cả các mặt hàng chính đều giảm 6-25% và các thị trường chủ lực đều thấp hơn 11-26% so với năm 2014. Trong đó xuất khẩu tôm giảm mạnh nhất, chỉ đạt 2,95 tỷ USD, giảm 25,5% so với năm 2014. Xuất khẩu tôm giảm là do giá tôm trên thị trường thế giới giảm mạnh với mức bình quân giảm khoảng 30% so với năm 2014. Các nguyên nhân chính là do giá dầu giảm kéo theo giá tất cả các loại hàng hóa cơ bản đều giảm theo, tôm của các nước khác như Ấn Độ, Indonesia, Ecuador rẻ hơn tôm Việt Nam do đồng tiền của họ phá giá mạnh. Ngoài ra, thời tiết mưa nắng thất thường đã ảnh hưởng mạnh đến tình hình nuôi tôm của Việt Nam. Nhiều diện tích nuôi tôm bị thiệt hại cộng với giá tôm thấp làm cho người nuôi không đầu tư, khôi phục lại sản xuất nên nguồn nguyên liệu tôm trong nước không đáp ứng đủ nhu cầu của các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu tôm. Một điểm nữa là người nuôi tôm nuôi ở Việt Nam sử dụng tràn lan các loại hóa chất, kháng sinh cấm trong nuôi tôm nên sản phẩm không đạt các yêu cầu xuất khẩu. Tất cả những nguyên do trên vẫn còn đó, vẫn tiếp diễn, thậm chí tác động mạnh hơn trong năm 2016 nên dự kiến năm 2016 vẫn là một năm rất khó khăn với ngành tôm Việt Nam.

Trước những khó khăn chung của ngành tôm, Camimex cũng không phải là ngoại lệ, không đạt được các kế hoạch kinh doanh mà đại hội đồng cổ đông đã đề ra. Doanh thu xuất khẩu năm 2015 của công ty chỉ đạt 34,35 triệu USD, bằng 83,23% so với năm 2014, đạt 49% kế hoạch đề ra. Ngoài những nguyên nhân chung của ngành, khó khăn của Camimex còn do hệ lụy từ những năm trước để lại, thiếu vốn lưu động nên hạn chế trong việc mua nguyên liệu để sản xuất xuất khẩu. Tuy vậy, điểm sáng của năm 2015 là lợi nhuận sau thuế của công ty đạt 24,6 tỷ. Mặc dù lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 77% so với kế hoạch nhưng lại gấp 3,37 lần so với năm 2014. Doanh số thấp hơn nhưng lợi nhuận lại cao hơn rất nhiều chứng tỏ hoạt động hiệu quả của công ty. Trong năm 2015, rất nhiều doanh nghiệp thủy sản với tiềm lực tài chính lớn nhưng vẫn bị thua lỗ. Dù công ty không đạt được kế hoạch đề ra nhưng những kết quả đạt được năm 2015 là đáng ghi nhận. Và năm nay công ty vẫn tiếp tục việc tái cấu trúc lại công ty, giải quyết những tồn đọng của những năm trước để hoạt động của công ty ngày càng hiệu quả hơn.

Sản phẩm của công ty được xuất khẩu sang Mỹ, Nhật, Hàn Quốc, Hồng Kông, EU... nhưng thị trường chính của công ty là EU với sản phẩm chủ lực là tôm sinh thái. Công ty sẽ tiếp tục tập trung vào sản phẩm thế mạnh của công ty là tôm sinh thái để đạt được hiệu quả cao cũng như thúc đẩy việc phát triển bền vững.

Kinh doanh là luôn phải chấp nhận và đối mặt với những khó khăn, thách thức. Những yếu tố bất ngờ, khó lường luôn chờ đợi ở phía trước. Tuy nhiên, ban lãnh đạo công ty tin rằng, với sự ủng hộ của cổ đông, của nhà cung cấp, khách hàng, sự hỗ trợ của các ngân hàng và của các ban ngành, chính quyền các cấp và sự nỗ lực đồng lòng của cán bộ nhân viên công ty, Camimex sẽ tiếp tục phát triển ổn định, bền vững.

Nhân dịp này Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên xin gửi lời cảm ơn tới các đối tác, các cơ quan hữu quan và toàn thể cổ đông về sự hợp tác giúp đỡ và tin tưởng trong suốt thời gian qua.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi kính chúc toàn thể cổ đông và cán bộ công nhân viên Camimex cùng gia đình lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Trân trọng kính chào!



Bùi Sĩ Tuấn



CAMIMEX

EU CODE: DL 25 - DL 178 - DL 351



I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát.

- Tên gọi công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU
- Tên giao dịch : CAMAU FROZEN SEAFOOD PROCESSING IMPORT EXPORT CORPORATION
- Tên viết tắt : CAMIMEX
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 2000103908 (số cũ là 6103000065) do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 12 tháng 01 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 29 tháng 09 năm 2015, mã số thuế : 2000103908
- Vốn điều lệ : 132.212.340.000 VND. (Một trăm ba mươi hai tỷ, hai trăm mười hai triệu, ba trăm bốn mươi ngàn đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 132.212.340.000 VND. (Một trăm ba mươi hai tỷ, hai trăm mười hai triệu, ba trăm bốn mươi ngàn đồng).
- Địa chỉ : Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
- Điện thoại : (0780) 3831608 - Fax : (0780) 3832297
- E-mail : camimex@camimex.com.vn
- Website : www.camimex.com.vn
- Mã cổ phiếu : CMX

2. Quá trình hình thành và phát triển:

* Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty cổ phần Chế biến thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau (Camimex) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Minh Hải trước đây, thành lập vào ngày 23/09/1977 với tên gọi ban đầu là “ Nhà máy chế biến tôm đông lạnh Cà Mau”.
- Để đáp ứng kịp thời sự phát triển của nền kinh tế nước nhà từ cơ chế tập trung bao cấp chuyển sang cơ chế thị trường, qua nhiều lần thay đổi tên doanh nghiệp theo từng mô hình của từng thời kỳ, đến 1993 đơn vị mang tên “Công ty cổ phần Chế biến thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau” (tên viết tắt là CAMIMEX) và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Từ đó công ty không ngừng mở rộng sản xuất và phát triển trong lĩnh vực chế biến và xuất nhập khẩu mặt hàng thủy sản là tôm, cá, mực ...
- Theo quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chủ tịch Ủy Ban nhân dân Tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Chế biến thủy Sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau thành “Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau” với hình thức sở hữu cổ phần nhà nước trực thuộc sự quản lý của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC), công ty tiếp tục mở rộng và phát triển sản xuất hàng thủy sản xuất khẩu.
- Ngày 02/11/2010 công ty được Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu và cổ phiếu công ty chính thức giao dịch vào tại sàn giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh ngày 09/11/2010.
- Theo kế hoạch bán vốn nhà nước năm 2011 ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-ĐTKV.HĐTV ngày 17/12/2011 của Hội Đồng Thành Viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC), ngày 20/11/2011 Công ty cổ phần Chế biến thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau (CAMIMEX) đã hoàn tất việc thoái vốn nhà nước và trở thành doanh nghiệp sở hữu 100% vốn đầu tư tư nhân.

* Các sự kiện khác:

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 21 tháng 5 năm 2007 về việc tăng vốn điều lệ từ 65.000.000.000 VND lên 88.815.000.000 VND.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 11 tháng 11 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ từ 88.815.000.000 VND lên 93.016.160.000 VND.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16 tháng 07 năm 2009 về việc tăng vốn điều lệ từ 93.016.160.000 VND lên 114.967.970.000 VND.
- Đăng ký thay đổi từ lần thứ 4 ngày 02 tháng 08 năm 2010, lần thứ 5 ngày 06 tháng 08 năm 2010 và lần thứ 6 ngày 24 tháng 08 năm 2010 về việc bổ sung địa điểm kinh doanh và chi nhánh.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 30 tháng 09 năm 2011 về việc tăng vốn điều lệ từ 114.967.970.000 VND lên 132.212.340.000 VND.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 23 tháng 11 năm 2011 về việc thay đổi cổ đông sáng lập và bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 21 tháng 06 năm 2012 về việc thay đổi người đại diện pháp luật.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 29 tháng 10 năm 2012 về việc thay đổi cổ đông sáng lập.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 11 tháng 12 năm 2012 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 07 tháng 08 năm 2014 về việc thay đổi người đại diện pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

- Đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 29 tháng 09 năm 2015 về việc cập nhật theo luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13.

❖ Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	: 132.212.340.000 VND
❖ Số lượng cổ phần	: 13.221.234 cổ phần
❖ Mệnh giá	: 10.000 VND/cổ phần.

Cổ đông	Số cổ phần	Số vốn góp (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Cổ đông sáng lập	8.338.622	83.386.220.000	63,07
Các cổ đông khác	4.882.612	48.826.120.000	36,93
Cộng	13.221.234	132.212.340.000	100,00

Cấu trúc Công ty: Các Công ty con:

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ Góp vốn	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1. Công ty TNHH Thủy Sản CAMIMEX	333 Cao Thắng, khóm 7, phường 08, T/phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau	Sản xuất, chế biến và kinh doanh xuất nhập khẩu thủy hải sản	99.99%	99.99%	99.99%
2. Công ty TNHH một thành viên sản xuất tôm giống sinh thái-CAMIMEX	Ấp Nhà Hội, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	Sản xuất tôm giống và kinh doanh thủy hải sản	100%	100%	100%
3. Công ty TNHH một thành viên CAMIMEX-Kiên Giang	Khu đô thị bao Đồng Hòa, ấp cảng, xã Hòa Điền, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	Đã giải thể 04/2016		100%	100%

Chi tiết các Công ty con

1. Tên công ty: Công ty TNHH Thủy Sản Camimex

Tên viết tắt: Camimex Corp

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Vốn điều lệ: 354.500.000.000 VND

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 99,99%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 99,99%

Công ty có 03 xí nghiệp trực tiếp sản xuất ra sản phẩm.

1.1/ **Xí nghiệp chế biến thủy sản số 2**, tại Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau; Code EU: DL25

1.2/ **Xí nghiệp chế biến thủy sản số 4**, tại 224 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, Tp. Cà Mau, Code EU: DL178

1.3/ **Xí nghiệp chế biến thủy sản số 5**, tại 999 Lý Thường Kiệt, Phường 6, Tp. Cà Mau, Code EU: DL351

Ba Xí nghiệp chế biến này của Camimex nằm trên diện tích gần 4,5ha, được trang bị trang thiết bị hiện đại từ Cộng đồng Châu Âu, Nhật và Mỹ. Ba nhà máy có 2500 công nhân có tay nghề

kỹ thuật cao, có ý thức kỷ luật tốt và gắn bó lâu dài với công ty. Tổng công suất của ba nhà máy là hơn 10.000 tấn thành phẩm/năm

Các nhà máy của Camimex đều tuân thủ nghiêm ngặt theo các chương trình quản lý chất lượng như GMP, SSOP, HACCP, ISO, BRC và các yêu cầu cao nhất của khách hàng để tạo ra những loại sản phẩm tươi tốt và vệ sinh cao, đáp ứng những yêu cầu nghiêm ngặt nhất của khách hàng.

- ❖ Hệ Thống Kho lạnh: Hệ thống kho lạnh của Camimex có sức chứa 2.000 tấn TP tại Cà Mau và TP Hồ Chí Minh
- ❖ Vùng nuôi tôm công nghiệp tại Kiên Lương, Kiên Giang với diện tích 100ha

Vùng nuôi tôm giúp Camimex phần nào chủ động nguyên liệu đầu vào của nhà máy, đảm bảo chất lượng sản phẩm của công ty.

HÌNH ẢNH CÁC SẢN PHẨM SẢN XUẤT CHẾ BIẾN



2. Tên công ty: Công ty TNHH một thành viên sản xuất tôm giống sinh thái- Camimex

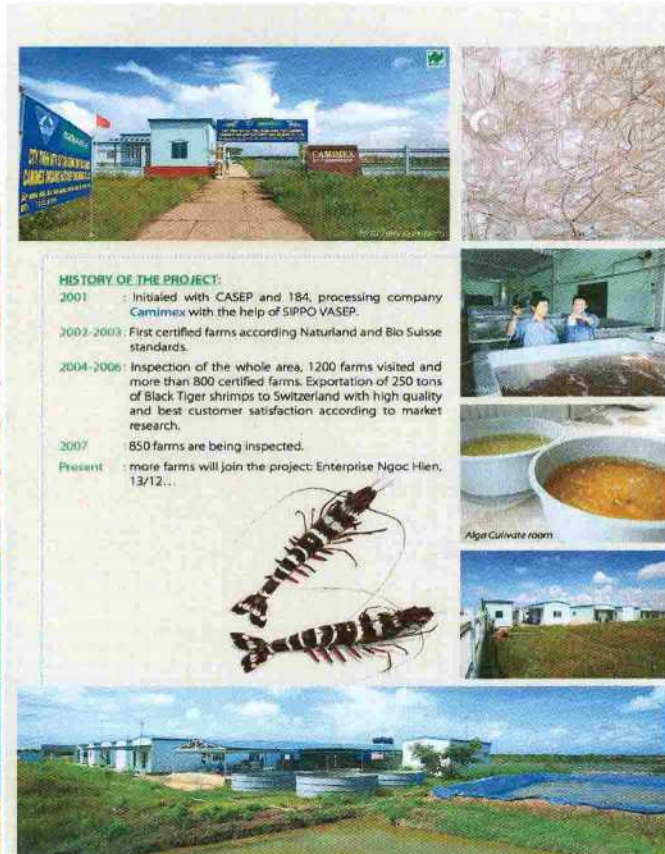
- Địa chỉ: Ấp Nhà Hội, Xã Tam Giang, Huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.
- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VND
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

Công ty quản lý vùng nuôi tôm sinh thái liên kết tại Cà Mau với diện tích gần 40.000 ha. Diện tích rừng chiếm 50% và diện tích nuôi tôm chỉ chiếm 50%. Tôm sinh thái là tôm nuôi tự nhiên trong rừng ngập mặn tại Cà Mau. Tôm sinh sống, tăng trưởng tự nhiên, không cần cho ăn. Đây là cách nuôi bền vững, bảo vệ vùng rừng sinh thái tự nhiên cũng như sự triển bền vững của lâm ngư trường sinh thái.

Camimex là đơn vị đầu tiên của Việt Nam triển khai tôm sinh thái từ năm 2000 và đạt được chứng nhận tôm sinh thái do Naturland và IMO cấp. Camimex cũng là đơn vị đầu tiên trên thế giới được cấp chứng nhận sinh thái cho chuỗi giá trị tôm sinh thái xuyên suốt, bền vững: Trại giống sinh thái, Vùng nuôi sinh thái, Sản phẩm sinh thái. Camimex hiện là đơn vị đầu tiên và duy nhất hiện nay của Việt Nam triển khai thành công chứng nhận tôm sinh thái, đem lại lợi ích cho tất cả các bên tham gia: Đảm bảo diện tích rừng, đảm bảo thu nhập gia tăng của các hộ nuôi lâm ngư trường, đảm bảo chất lượng sản phẩm cho nhà máy, người tiêu dùng.

Sản phẩm tôm sinh thái là sản phẩm cao cấp, được khách hàng ưa chuộng, đặc biệt là các khách hàng ở Thụy Sĩ, Đức, Áo và một số nước Tây Âu.

Sản phẩm sinh thái là thế mạnh của Camimex.



HISTORY OF THE PROJECT:

- 2001 : Initialed with CASEP and 184, processing company Camimex with the help of SIPPO VASEP.
- 2002-2003 : First certified farms according Naturland and Bio Suisse standards.
- 2004-2006 : Inspection of the whole area, 1200 farms visited and more than 800 certified farms. Exportation of 250 tons of Black Tiger shrimps to Switzerland with high quality and best customer satisfaction according to market research.
- 2007 : 850 farms are being inspected.
- Present : more farms will join the project: Enterprise Ngoc Hien, 13/12...

3. Tên công ty: Công ty TNHH một thành viên CAMIMEX - Kiên Giang

- Địa chỉ: Khu đê bao Đồng Hòa, Ấp Cảng, xã Hòa Điền, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang
- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VND
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%



Công ty đã chấm dứt hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Camimex - Kiên Giang để chuyển sang hoạt động dưới hình thức Chi nhánh của Công ty cổ phần Chế biến thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau, đã hoàn tất các thủ tục pháp lý, trong tháng 04 năm 2016 sẽ có văn bản chấp thuận việc giải thể Công ty TNHH một thành viên CAMIMEX - Kiên Giang của Sở Kế hoạch & Đầu tư Tỉnh Kiên Giang .



3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

* *Ngành nghề kinh doanh:*

Hoạt động chính của công ty là chế biến thủy sản các loại. Xuất khẩu thủy sản, nông sản thực phẩm. Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân.

*** Địa bàn kinh doanh:**

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 333, Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
- Điện thoại : (84-780) 3.831.608
- Fax : (84-780) 3.832.297
- Email : camimex@camimex.com.vn
- Website : www.camimex.com.vn
- Mã số thuế : 2000103908

Các địa điểm: Kinh doanh & sản xuất:

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Công ty TNHH Thủy Sản Camimex- Chi nhánh Xí nghiệp II- MST:2001122903-001	Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
2. Công ty TNHH Thủy Sản Camimex- Chi nhánh Xí nghiệp IV- MST:2001122903-002	Số 224, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
3. Công ty TNHH Thủy Sản Camimex- Chi nhánh Xí nghiệp V- MST:2001122903-003	Số 999, đường Lý Thường Kiệt, khóm 9, phường 6, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
4. Chi nhánh Công ty TNHH Thủy sản Camimex tại Thành phố Hồ Chí Minh	33/3 Đường Gò Ô Môi, khu phố 2, Phường Phú Nhuận
5. Trạm thu mua thủy sản Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau	Số 29B, ấp 3, Quốc lộ 1A, xã Tắc Vân, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
6. Trạm thu mua thủy sản Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau	ấp 1, xã Hàng Vịnh, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và mô hình quản lý:



5. Định hướng phát triển.

- Xuất khẩu thủy sản năm 2015 một năm đầy khó khăn của ngành thủy sản do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, hiện tượng El-Nino, tác động của thị trường thủy sản thế giới như biến động về giá, giá bán giảm, những quốc gia cạnh tranh trực tiếp với Việt Nam trong xuất khẩu tôm đều giảm mạnh đồng nội tệ so với đồng USD như đồng rupiah của Indonesia giảm tới 42%, rupee

của Ấn Độ mất giá 20%. xác định rõ khó khăn của Công ty tiếp tục tập trung vào ngành nghề sản xuất chính của mình đó là:

- Sản xuất chế biến mặt hàng tôm đông lạnh xuất khẩu bao gồm đa dạng các loại sản phẩm tôm truyền thống như PTO, CPTO, PD, CPD và các loại sản phẩm giá trị gia tăng như tôm Nobashi, tôm bột, tempura, shushi
- Giữ vững và tăng thị phần ở thị trường xuất khẩu hiện có, mở rộng thị trường xuất khẩu mới tìm kiếm khách hàng tiềm năng, khẳng định thương hiệu Camimex ngày càng vững mạnh và phát triển.
- Chiến lược kinh doanh, phát triển thị trường Công ty tập trung vào các sản phẩm tôm thể mạnh là tôm sú, đặc biệt là tôm sú sinh thái, tôm sú quảng canh, phát triển với đồng thời đảm bảo chất lượng để tăng trưởng và phát triển bền vững. Tập trung vào các khách hàng lớn, sức tiêu thụ mạnh như COOP (Thụy sĩ), DKSH (Đức), LOTTE (Hàn Quốc)
- Đề cao vai trò công tác quản trị trong doanh nghiệp, công tác tổ chức nhân sự, tiền lương và không ngừng đào tạo, thu hút nguồn nhân lực giỏi, luôn có chính sách đãi ngộ tốt đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý và công nhân lao động.

❖ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

1. Tập trung vào các thị trường tiềm năng:

- Nâng cao tỉ trọng xuất khẩu, tập trung vào các thị trường tiềm năng sẵn có của Công ty. Do đó, việc nâng cao chất lượng sản phẩm cần được đề cao hàng đầu. Đồng thời công tác xúc tiến thương mại và các hoạt động đối ngoại cũng cần được đẩy mạnh hơn nữa.

2. Phát triển nguồn nguyên liệu ổn định.

- Tiếp tục đầu tư mạnh vào khoa học công nghệ để nghiên cứu gia hóa và chọn dòng tôm sú bố mẹ cũng như tôm thẻ chân trắng bố mẹ để tạo ra được những giống tôm sú, tôm thẻ chân trắng có những đặc tính di truyền tốt, phù hợp với môi trường địa phương.
- Nghiên cứu và xây dựng được các mô hình nuôi tôm tiên tiến đạt năng suất cao, giá thành nuôi thấp đồng thời đảm bảo được tính an toàn sinh học bền vững để việc nuôi tôm thương phẩm ngày càng bền vững và đạt hiệu quả cao.

3. Đầu tư phát triển công nghệ chế biến.

- Để phát triển bền vững, khi có được nguồn nguyên liệu ổn định, khâu chế biến thủy sản cũng cần có bước phát triển hơn nữa như đổi mới công nghệ, mở rộng quy mô sản xuất, góp phần đáp ứng các tiêu chuẩn quốc gia cũng như quốc tế. Bên cạnh đó, việc chế biến thủy sản cần tập trung vào những sản phẩm mới, phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng.

4. Quản lý đào tạo cán bộ.

- Cán bộ cần thường xuyên được đào tạo, nâng cấp về chuyên môn, nghiệp vụ. Đội ngũ cán bộ kỹ thuật, nghiên cứu cũng cần không ngừng học hỏi để nâng cao nghiệp vụ. Nhờ đó, chất lượng sản phẩm sẽ ngày càng được nâng cao

❖ **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng:**

Môi Trường:

- Luôn thực hiện và báo cáo đầy đủ cho sở Tài nguyên Môi trường, chấp hành nghiêm luật bảo vệ môi trường về xử lý chất rắn và rác thải công nghiệp.
- Nhà máy xử lý nước thải công nghiệp thủy sản, chất thải lỏng phát sinh trong quá trình sản xuất tại các nhà máy chế biến được tập trung tại đây xử lý theo quy trình công nghệ tự động hóa và thải ra môi trường sau khi đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp chế biến thủy sản (QCVN 11:2008/BTNMT).

Xã hội và công đồng:

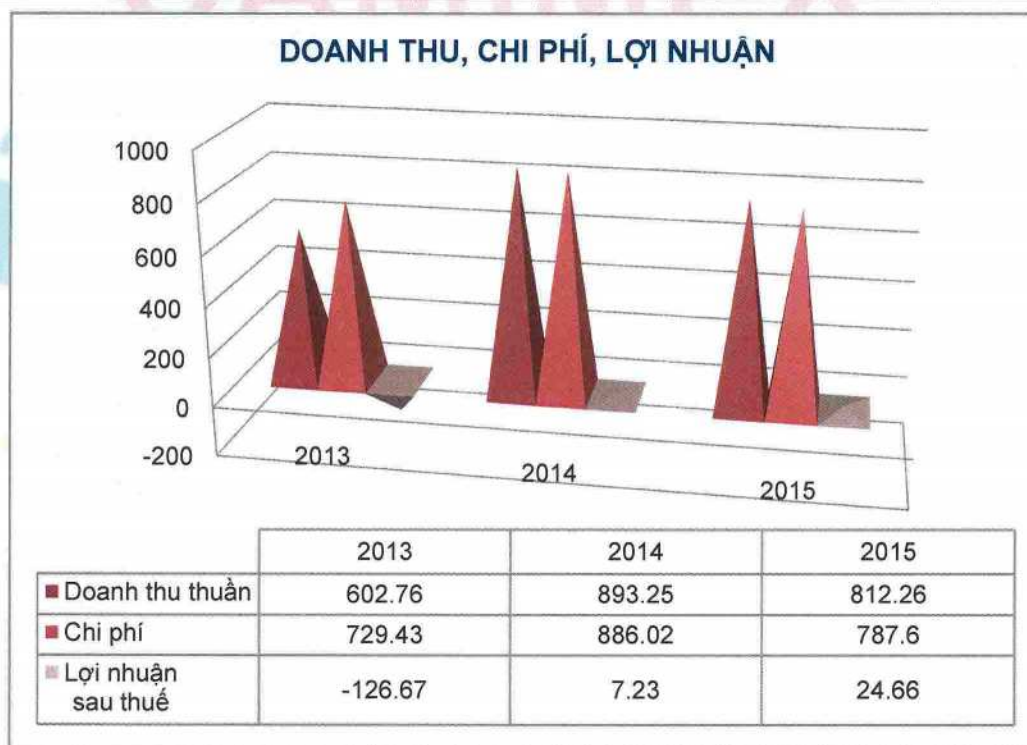
- Nuôi dưỡng Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng
- Đoàn viên công đoàn công ty tham gia các chương trình nhân đạo do Tỉnh đoàn phát động hàng năm như xây dựng nhà tình nghĩa, hiến máu nhân đạo, ủng hộ quyên góp tiền lương giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn.
- Hỗ trợ kinh phí cùng địa phương tặng người nghèo ăn tết
- Giải quyết việc làm ổn định cho hơn 1.000 lao động địa phương có thu nhập đảm bảo cuộc sống.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM :

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất:

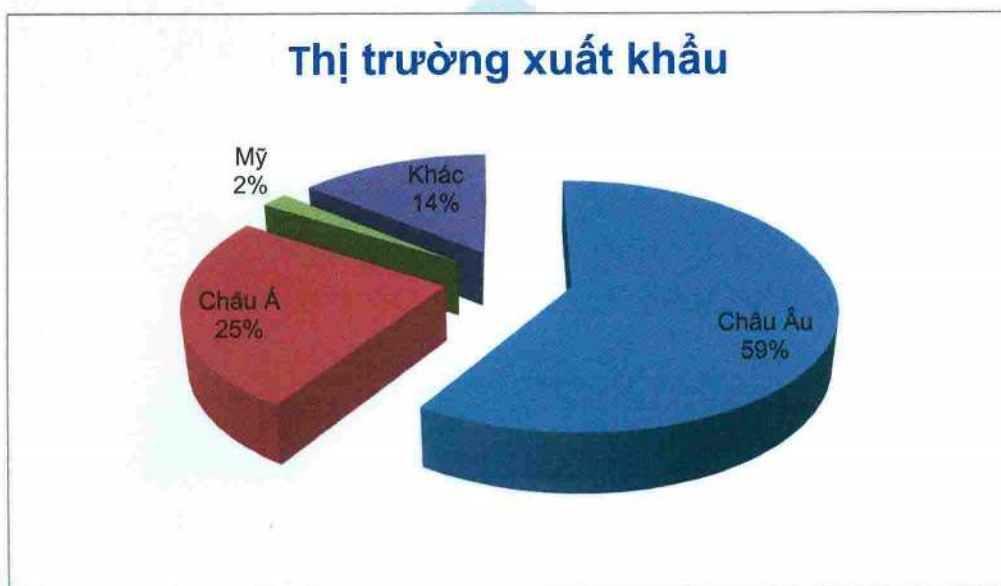
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất trong năm:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2014	Thực hiện năm 2015	Kế hoạch năm 2015	So sánh với KH	So với năm 2014
1	Kim ngạch xuất khẩu	TriệuUSD	41.3	34.35	70	49%	83.23%
2	Sản lượng sản xuất	Tấn	3,300	3,301	5,500	60%	100.03%
3	Tổng doanh thu thuần	Tỷ đồng	893.3	812.26	1,526	53%	90.93%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10.2	28.80	40	72%	282.08%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	7.3	24.60	32	77%	336.99%
6	Lãi cơ bản trên / CP	Đồng	550.0	1,865			339.09%



- Kim ngạch xuất khẩu hợp nhất năm 2015 :

THỊ TRƯỜNG	GIÁ TRỊ (USD)	TỶ LỆ %
CHÂU ÂU	20.323.215,670	59%
Á	8.663.247,160	25%
MỸ	655.160,000	2%
KHÁC	4.704.287,930	14%
TỔNG CỘNG	34.345.910,760	100%



2. Tổ chức và nhân sự :

Danh sách Ban điều hành tại thời điểm 31/12/2015:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ			Tỷ lệ
			Số CP đại diện	Số CP cá nhân sở hữu	Cộng	
1	Nguyễn An Ninh	Tổng giám đốc	-	1.648.388	1.648.388	12,47%
2	Bùi Đức Cường	Phó Tổng giám đốc	-	-	-	0%
3	Trương Thị Bích Phượng	Phó Tổng giám đốc	-	4	4	0%
4	Nguyễn Trọng Hà	Kế toán trưởng	-	-	-	0%

❖ Ông Nguyễn An Ninh - Thành viên hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc công ty.

- Năm sinh : 1958
- Nơi sinh : Thành phố Thanh Hóa , tỉnh Thanh Hóa
- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Số 111 Cao Thắng, Phường 7, Q. Phú Nhuận TP Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc : 0913 893 268
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật
- Quá trình công tác:
 - + Trước ngày 12/01/2006 : Giám đốc Công ty THHH Hải Nam
 - + Từ ngày 01/2006 đến 11/2012: Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần chế biến thủy sản Cà Mau.
 - + Từ ngày 11/2012 đến 06/2012: Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần chế biến thủy sản Cà Mau.
 - + Từ ngày 19/12/2012 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc công ty.
- Chức vụ hiện tại : Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

❖ **Ông Bùi Đức Cường - Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng giám đốc công ty.**

- Ngày tháng năm sinh: 07/04/1973
- Nơi sinh : Thái Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú: E114 CC KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh.
- Số ĐT liên lạc : 0903.011 639
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác :
 - + Từ năm 1997 đến năm 2008 : Công tác tại Công ty Minh Phú
 - + Từ năm 2009 đến năm 2013 : Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Quang Thuận - Ninh Thuận
 - + Từ tháng 03/2013 đến nay : Phó Tổng giám đốc Công ty CP CBTS & XNK Cà Mau.
- Chức vụ hiện tại : Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

❖ **Bà Trương Thị Bích Phượng - Phó Tổng giám đốc công ty**

- Ngày tháng năm sinh: 26/10/1962
- Nơi sinh : Cà Mau
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Số 60 Đường Nguyễn Văn Hải, Phường 4, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
- Số ĐT liên lạc : 0939 728 172
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân khoa học

- Quá trình công tác :
 - + Từ năm 1991 đến năm 1993 : Công tác tại Xí nghiệp đông lạnh Tân Thành
 - + Từ năm 1994 đến năm 2002 : KCS Công ty CP CBTS & XNK Cà Mau
 - + Từ năm 2002 đến năm 2005 : Tổ trưởng Kiểm nghiệm Cty CP CBTS & XNK Cà Mau
 - + Từ năm 2006 đến năm 2010 : Trưởng phòng QM kiểm trợ lý Tổng giám đốc Công ty CP CBTS & XNK Cà Mau.
 - + Từ năm 2010 đến tháng 03/2013: Giám đốc sản xuất kiêm Giám đốc kho Công ty CP CBTS & XNK Cà Mau.
 - + Từ tháng 03/2013 đến nay : Phó Tổng giám đốc sản xuất Công ty CP CBTS & XNK Cà Mau.
- Chức vụ hiện tại : Phó Tổng giám đốc công ty
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

❖ Ông Nguyễn Trọng Hà - Kế toán trưởng công ty

- Năm sinh : 29/06/1974
- Nơi sinh : Thái Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thái Bình
- Địa chỉ thường trú : 251F Lê Vĩnh Hòa, Phường 8, Tp. Cà Mau
- Điện thoại liên lạc : 0983.400234
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Đại học kế toán thương mại
- Quá trình công tác :
 - + Năm 1999 - 05/2006 : Kế toán tổng hợp XNCB TS Đầm Dơi
 - + Từ 05/2006 - 12/2006 : Kế toán Viettel Cà Mau
 - + Từ 01/2007 - 12/2007 : Trưởng phòng bán hàng Viettel
 - + Từ 01/2008 - 08/2011 : Phó giám đốc KD Viettel Cà Mau
 - + Từ 09/2011 đến nay : Kế toán trưởng Công ty cổ phần CBTS & XNK Cà Mau.
- Chức vụ hiện tại : Kế toán trưởng Công ty.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

*** Số lượng cán bộ công nhân viên tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015:**

Tổng nhân sự trong toàn công ty là : 1.148 lao động

Trong đó:

- Trình độ thạc sỹ : 01 lao động.
- Đại học : 91 lao động
- Cao đẳng : 18 lao động
- Trung cấp và bằng nghề : 117 lao động
- Còn lại là lao động trực tiếp sản xuất có tay nghề trong ngành thủy sản.

*** Chính sách đối với người lao động:**

Là doanh nghiệp sản xuất chế biến hàng thủy sản xuất khẩu, Camimex xác định lực lượng lao động là nguồn lực quan trọng nhất đến sự phát triển của công ty. Chế độ tiền lương, thưởng được chú trọng xây dựng dựa theo tiêu chí gắn liền với năng suất và hiệu quả công việc. Quan tâm đến các chế độ phúc lợi, hàng năm Camimex duy trì khám sức khỏe cho người lao động 02 lần/năm bằng cách mời các tổ chức y tế khám sức khỏe cho người lao động. Tặng quà cho cán bộ, công nhân lao động vào các ngày lễ và tết âm lịch. Xây dựng nhà ăn tập thể và tổ chức bữa ăn giữa ca cho người lao động.

Camimex đặc biệt quan tâm đến tổ chức các đoàn thể, luôn tạo điều kiện thuận lợi cho hai đoàn thể hoạt động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Hiện trạng: Diện tích nhà xưởng Xí nghiệp 2 khoảng 4000 m², sản xuất các mặt hàng IQF tươi, hấp và sushi. Công suất hiện tại khoảng 2880 tấn/năm.

Tính cấp thiết đầu tư: Nhu cầu tăng cao từ thị trường châu Âu, nhất là mặt hàng tôm sinh thái, một số móc thiết bị không còn hiệu quả cao, hao phí lớn, công suất hiện tại không đủ để đáp ứng kịp thời các đơn hàng lớn, không đủ công suất để công ty tăng trưởng, phát triển. Cần phải cải tạo, nâng cấp để đáp ứng được chiến lược phát triển của công ty cũng như đòi hỏi từ khách hàng.

Các hạng mục đầu tư Dự án Xí nghiệp 2

STT	HẠNG MỤC	GIÁ TRỊ
1	Xây dựng cơ bản (VND)	3,763,697,014
2	Máy móc thiết bị (USD)	1,812,294
	Máy móc thiết bị (VND)	39,598,613,450
2.1	Hệ thống cấp đông và nước lạnh (USD)	1,000,680
2.2	Hệ thống lạnh (USD)	345,972
2.3	Hầm đá 1000 cây (USD)	465,642
	Công suất sau nâng cấp (tấn/năm)	4800
	Tổng giá trị đầu tư nâng cấp (VNĐ)	43,362,310,464
	Tổng giá trị đầu tư làm tròn (VNĐ)	43,363,000,000

Tổng vốn đầu tư dự án: 43,36 tỷ đồng

- ❖ Vốn tự có: 17,36 tỷ đồng (40%).
- ❖ Vốn vay: 26 tỷ đồng (60%)

4. Tình hình tài chính.

a) Tình hình tài chính.

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Tăng/giảm(%)
Tổng giá trị tài sản	615,662,494,835	678,664,517,430	110.23%
Doanh thu thuần	893,251,278,022	812,255,035,572	90.93%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	16,623,825,943	25,430,403,842	152.98%
Lợi nhuận khác	-6,410,362,364	3,353,251,162	152.31%
Lợi nhuận trước thuế	10,213,463,579	28,783,655,004	281.82%
Lợi nhuận sau thuế	7,266,744,633	24,659,780,215	339.35%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	550	1,865	339.09%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
<i>1.- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
* Hệ số thanh toán ngắn			
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	lần	0.75	0.70
* Hệ số thanh toán nhanh			
(TSLĐ-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	0.22	0.13
<i>2.- Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
* Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	0.90	0.90
* Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	9.22	13.70
<i>3.- Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
* Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	%	2.06	2.37
* Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	1.20	1.50
<i>3.- Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
* Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0.03	0.01
* Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	0.37	0.17
* Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0.04	0.01
* Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	0.03	0.02

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành là : 13.221.234 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành : 13.221.234 Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 13.221.234 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : Không có

b. Cơ cấu cổ đông:

Căn cứ vào danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số 407/2015-CMX/VSD-ĐK ngày 06/04/2015 để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.

TT	Diễn giải	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
	Cơ cấu theo tỷ lệ sở hữu	13.221.234	100%
1	Cổ đông lớn	5.259.418	39,78%
2	Cổ đông nhỏ	7.961.816	60,22%
	Cơ cấu theo Tổ chức và cá nhân	13.221.234	100%
1	Cổ đông là tổ chức	4.222.434	31,94%
2	Cổ đông là cá nhân	8.998.800	68,06%
	Cơ cấu theo cổ đông trong nước và cổ đông ngoài nước, cổ đông nhà nước và cổ đông khác	13.221.234	100%
1	Cổ đông trong nước	13.200.897	99,85%
2	Cổ đông ngoài nước	20.337	0,15%
3	Cổ đông nhà nước	0	0%
4	Cổ đông khác	0	0%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu:

Trong năm 2015 công ty không tăng vốn cổ phần chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu.... thành cổ phần để tăng vốn điều lệ.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e. Các chứng khoán khác: Không.

III- BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Tình hình tài chính:

1.1. Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	0.7	0.7
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	0.3	0.3
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	0.9	0.9
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	0.1	0.1
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	0.7	0.7
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.2	0.1
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	0.04	0.01
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	0.03	0.01
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	0.04	0.02
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	0.04	0.01
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	0.37	0.17

1.2. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2015:

Tài sản	Tại 31/12/2015	Tại 31/12/2014
A- Tài sản ngắn hạn	453.725.313.241	425.041.357.451
B- Tài sản dài hạn	224.939.204.189	190.621.137.384
Tổng tài sản	678.664.517.430	615.662.494.835
Nguồn vốn		
A- Nợ phải trả	612.259.862.812	573.917.620.432
B- Nguồn vốn chủ sở hữu	66.404.654.618	41.744.874.403
Tổng nguồn vốn	678.664.517.430	615.662.494.835

1.3. Những thay đổi về vốn cổ đông : Không

1.4. Tổng số cổ phiếu của công ty :

- + Cổ phiếu phổ thông: 13.221.234 CP
- + Cổ phiếu ưu đãi : Không

1.5. Tổng số trái phiếu đang lưu hành : Không

1.6. Cổ phiếu quỹ, cổ phiếu dự trữ : Không

1.7. Cổ tức, lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn năm 2015:

Chưa thông qua Đại hội cổ đông thường niên năm 2016.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015: (Đã qua kiểm toán)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện		Kế hoạch 2015	% Thực hiện năm 2015 so với	
			Năm 2014	Năm 2015		Cùng kỳ	Kế hoạch
1	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	41.27	34.35	70	83%	49%
2	Sản lượng sản xuất	Tấn	3,300	3,301.0	5,500	100%	60%
3	Tổng doanh thu thuần	Tỷ đồng	893	812	1,526	91%	53%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10.2	28.8	40	282%	72%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	7.3	24.6	32	337%	77%
6	Lãi cơ bản trên / CP	Đồng	550	1,865		339%	

3. Những tiến bộ đạt được.

- Hệ thống quản lý chất lượng được công ty áp dụng quản lý theo tiêu chuẩn sau : HACCP, GMP, SSOP, ISO 9001:2000, BRC, BAP, Halal, ASC, MSC, IFS, Organic...
- Đầu năm năm 2015, Camimex đã được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn Organic, và là doanh nghiệp đầu tiên trên thế giới được chứng nhận đạt tiêu chuẩn Organic. Đây là tiêu chuẩn chất lượng cao vì khi đạt tiêu chuẩn này thì con tôm có giá trị rất cao khi xuất khẩu.
- Công ty đã xây dựng được vùng nuôi tôm do Camimex đầu tư, từ đó chủ động và quản lý được nguồn nguyên liệu đưa vào sản xuất.
- Camimex cam kết đặt mục tiêu quản lý chất lượng lên hàng đầu. Nguồn nguyên liệu nhận vào được kiểm soát chặt chẽ. Camimex luôn cải tiến liên tục hệ thống quản lý chất lượng nhằm nâng cao hơn nữa sự thỏa mãn của khách hàng vì thế Camimex hiện nay có rất nhiều khách hàng và nhiều đơn đặt hàng.
- Camimex đã trang bị thêm 1 máy tẩm bột với công suất 3 tấn/ ngày để đáp ứng cho việc cung cấp các đơn hàng tẩm bột của khách hàng.
- Camimex đã nâng cấp sửa chữa hoàn thành nhà máy Xí nghiệp 4 đã đưa vào sản xuất thêm mặt hàng tempura, mở rộng khu làm hàng Nobashi và tẩm bột để đáp ứng cho việc cung cấp các đơn hàng của khách hàng.
- Camimex đang tiến hành đầu tư xây dựng nhà xưởng, thay mới tủ IQF 500 tại lai sản xuất hàng hấp và trang bị hệ thống điều hòa cho toàn phân xưởng, xây dựng hầm đá cây công suất: 1000 cây đá/ ngày và trang bị hệ thống nước lạnh 15 khối/ngày.
- Camimex đã có chứng nhận ASC và MSC cho farm và nhà máy để tăng cường bán mở rộng thị trường Châu Âu bán về sản phẩm chất lượng cao.



- Camimex bổ sung thêm chứng nhận Halal để mở rộng thị trường sang các nước Trung Đông
- Công ty đầu tư bổ sung và nâng cấp thêm cho trại giống nuôi tôm Sinh Thái tại Huyện Năm Căn: nhà nuôi tuyền tôm, nhà tảo tươi, nhà Actemia, hệ thống điện và hệ thống thoát nước.
- Bộ máy quản lý luôn được sắp xếp tinh gọn và được đào tạo chuyên môn tay nghề cao để đảm bảo tốt nhiệm vụ và công việc được phân công.
- Camimex không ngừng thu hút nguồn nhân lực giỏi, có chính sách đãi ngộ tốt.
- Chỉ tiếp nhận nguyên liệu đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định mới đưa vào sản xuất và có đầu ra khách hàng ưa chuộng.
- Trong công tác quản lý chi phí sản xuất, đã thực hiện tiết kiệm ở tất cả các khâu như: Tiếp nhận nguyên liệu, vật liệu, bao bì đóng gói, hóa chất, hạ tỷ lệ hao hụt nguyên liệu/thành phẩm... từ đó làm hạ giá thành sản phẩm.
- Luôn quan tâm giữ vững lượng khách hàng truyền thống, đồng thời mở rộng, tìm kiếm thêm các khách hàng mới để tiêu thụ sản phẩm.

4. Kế hoạch phát triển kinh doanh :

* Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016:

- Kim ngạch xuất khẩu đạt : 46.8 triệu USD- Phần đầu: 75 triệu USD
- Sản lượng sản xuất : 3.400 tấn tôm thành phẩm- Phần đầu: 4.800 tấn
- Tổng doanh thu thuần : 1.058 tỷ đồng- Phần đầu: 1.575 tỷ
- Lợi nhuận trước thuế : 32 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 29 tỷ đồng

*Kế hoạch phát triển kinh doanh trung dài hạn:

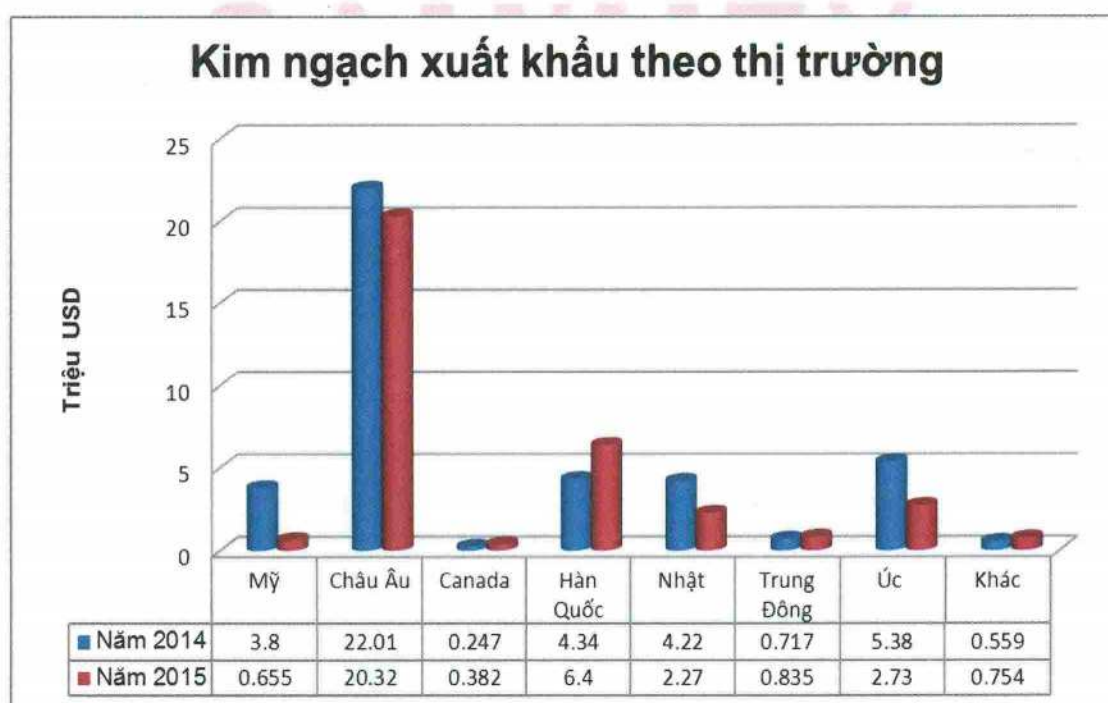
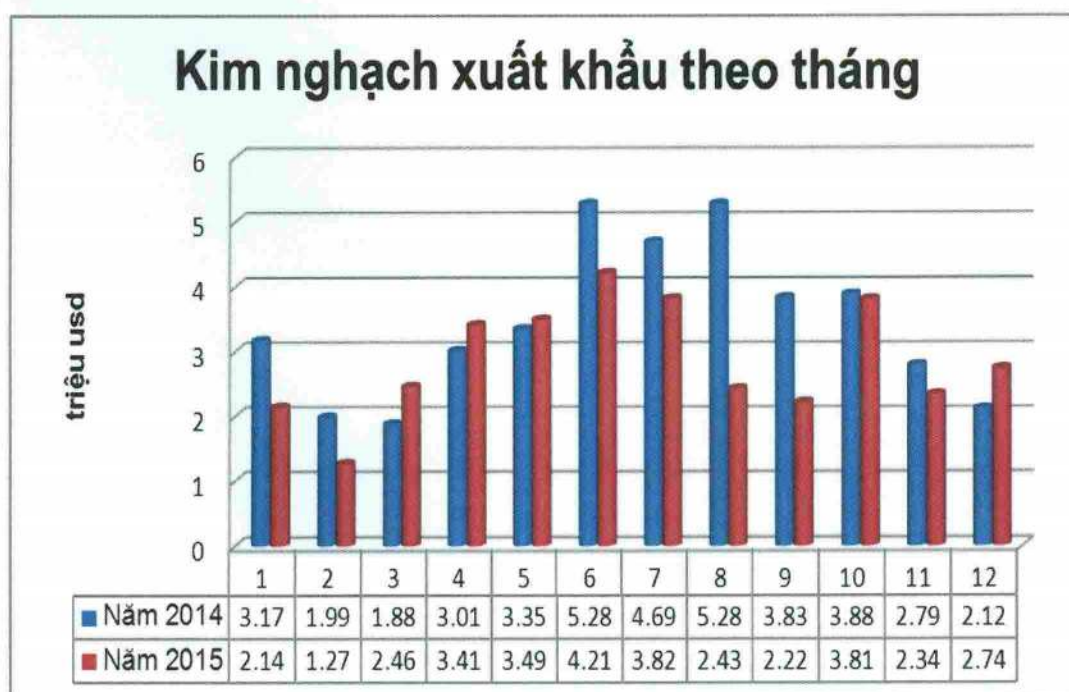
- Tiếp tục đầu tư nâng cấp máy móc thiết bị, nhà xưởng tại các xí nghiệp 2, xí nghiệp 4, xí nghiệp 5 nâng cao năng lực sản xuất đặc biệt là sản xuất mật hàng giá trị gia tăng.
- Liên hệ các đối tác trong và ngoài nước để hợp tác, liên doanh phát triển sản xuất kinh doanh.
- Tập trung phát triển, thúc đẩy mạnh việc nuôi tôm sinh thái.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1. Về hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty:

Về xuất khẩu, năm 2015 không khởi sắc như năm 2014 do chịu nhiều ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài. Trong năm, kinh tế thế giới tăng trưởng nhẹ, giá dầu thế giới giảm, nhu cầu tiêu dùng nói chung và sản phẩm thủy sản nói riêng đã tăng trở lại nhưng vẫn còn ở mức thấp. Các nước sản xuất tôm đã khôi phục lại sản xuất sau giai đoạn bị dịch bệnh, tạo sức cạnh tranh quyết liệt với sản phẩm tôm của Việt Nam. Mức thuế chống bán phá giá đối với con tôm tại thị trường Hoa Kỳ chưa có dấu hiệu thay đổi theo hướng tích cực hơn, thậm chí kết quả rà soát POR10 còn cao hơn giai đoạn trước. Yêu cầu về giới hạn hàm lượng các chất cấm ở một số thị trường ngày càng khắt khe. Trong năm, nhiều nước chủ động giảm giá đồng nội tệ, tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu. Các yếu tố trên đã dẫn tới mức suy giảm mạnh của xuất khẩu thủy sản. Đánh giá trước tình hình khó khăn và dựa trên tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, ngay từ

đầu năm HĐQT đã thống nhất các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh của năm phù hợp với thực tế, định hướng tốt cho Ban Tổng Giám Đốc cùng với sự nỗ lực cố gắng của toàn thể CBCNV trong triển khai thực hiện kết quả kinh doanh năm 2015 đã đạt được kết quả theo biểu đồ doanh thu sau:



Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện bộ máy tổ chức, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ lao động, tăng năng suất lao động, chống lãng phí, kiểm soát chất lượng, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

2. Về hoạt động của Ban Giám đốc:

Ban Giám đốc đã có nhiều cố gắng trong công tác tổ chức, điều hành hoạt động, dựa trên các chỉ tiêu định hướng đã được đề ra của Hội đồng quản trị công ty. Trong năm 2015, Ban Tổng Giám đốc công ty đã có nhiều giải pháp đột phá mạnh mẽ và quyết liệt trong sản xuất kinh doanh cũng như trong quản lý và điều hành doanh nghiệp, thực hiện và kiện toàn bộ máy, chế độ báo cáo. Hội đồng Quản trị cùng sát cánh với Ban Giám đốc để đưa Camimex tiếp tục ổn định tổ chức, duy trì sản xuất, kinh doanh và phát triển bền vững.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị :

Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 và chiến lược tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước dự kiến kim ngạch xuất khẩu 46.8 triệu USD.

HDQT tiếp tục thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, xây dựng chiến lược, định hướng phù hợp với hoàn cảnh thực tế, tham gia tích cực hỗ trợ Ban Giám Đốc trong điều hành hoạt động hàng ngày để Camimex duy trì sự hoạt động thông suốt, bảo đảm các chỉ tiêu kinh doanh đề ra.

Triển khai mạnh mẽ chuỗi cung ứng tôm sạch, tôm sinh thái, xây dựng trên nền tảng ổn định, bền vững đảm bảo đủ cung cấp tôm chất lượng cao cho Công ty xuất khẩu.

Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, công tác tổ chức nhân sự, xây dựng cơ chế lương, thưởng nhằm thu hút nguồn nhân lực tài giỏi, không ngừng đào tạo, luôn có chính sách đãi ngộ tốt đối với đội ngũ lãnh đạo, cán bộ quản lý và người lao động.

V. QUẢN TRỊ CAMIMEX

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị tại thời điểm 31/12/2015 :

TT	Họ và tên	Chức vụ	SỐ CỔ PHẦN NẤM GIỮ			Tỷ lệ
			Số CP đại diện	Số CP Cá nhân sở hữu	Cộng	
1.	Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch	2.542.833	-	2.542.833	19,23%
2.	Nguyễn An Ninh	Thành viên	-	1.648.388	1.648.388	12,47%
3.	Bùi Đức Cường	Thành viên	-	-	-	0%
4.	Nguyễn Hoàng Nam	Thành viên	-	12.137	12.137	0,09%
5.	Đặng Ngọc Sơn	Thành viên	-	-	-	0%

❖ **Ông Bùi Sĩ Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị.**

- Ngày tháng năm sinh: 12/10/1971
- Nơi sinh : Thị xã Thái Bình – Tỉnh Thái Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 12.02A, CC Cao Tầng, Phường 12, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc : 0939.936 868
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - + Từ năm 1996 - năm 2006: Kế toán trưởng Tập đoàn thủy sản Minh Phú.
 - + Từ năm 2006 - 2010: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Đầu tư Tập đoàn TS Minh Phú
 - + Từ năm 2010 - 2011: Giám đốc đầu tư Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
 - + Từ tháng 10/2012 - 01/2013: Thành viên HĐQT Công ty CP CBTS & XNK Cà Mau.
 - + Từ 24/01/2013 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP CBTS & XNK Cà Mau
- Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP CBTS & XNK Cà Mau
- Quyền lợi mâu thuẫn với đơn vị: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

❖ **Ông Nguyễn An Ninh - Thành viên hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.**

Thông tin chi tiết xem phần Ban điều hành.

❖ **Ông Bùi Đức Cường - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc.**

Thông tin chi tiết xem phần Ban điều hành.

❖ **Ông Nguyễn Hoàng Nam - Thành viên Hội đồng quản trị.**

- Năm sinh : 1985
- Nơi sinh : Cà Mau
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 111 Cao Thắng, P.17, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc : 0933.366146
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân thương mại
- Quá trình công tác :
 - Từ 29/06/2009 đến nay: Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP CBTS & XNK Cà Mau.*
- Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị - Phó giám đốc kinh doanh Công ty.
- Quyền lợi mâu thuẫn với đơn vị: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

❖ Ông Đặng Ngọc Sơn - Thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

- Năm sinh : 1959
- Nơi sinh : Nam Định
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 785 đường Bình Giã, P.10, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
- Điện thoại liên lạc :
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp Đại học, Khoa Chế biến Đại học Thủy sản Nha Trang
- Quá trình công tác:
 - + Năm 1981: Tốt nghiệp khoa Chế biến Trường Đại học Thủy sản Nha Trang
 - + Từ năm 1981 - 1994: Công tác tại Công ty Xuất nhập Thủy sản Sóc Trăng. Chức vụ cao nhất: Phó Giám đốc phụ trách sản xuất
 - + Từ năm 1995 đến năm 1998: Phó Giám đốc Kỹ Thuật Công ty CP Dầu khí Vũng Tàu.
 - + Từ năm 1998 đến năm 2001: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Minh Hải (Minh Hai Jostoco).
 - + Từ năm 2001 đến năm 2005: Giám đốc Công ty TNHH An Hưng Bà Rịa Vũng Tàu.
 - + Từ năm 2005 đến năm 2014: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần thủy sản Phú Minh Hưng Quảng Ninh.
- Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị.
- Quyền lợi mâu thuẫn với đơn vị: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

b) Các tiêu chuẩn thuộc Hội đồng quản trị:

Trong năm 2015, Camimex chưa có các tiêu chuẩn thuộc Hội đồng quản trị.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị vẫn thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình theo Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan, tích cực chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban Giám đốc thông qua quy chế, nghị quyết, biên bản, tham gia họp trực tiếp với Ban Giám đốc.

HDQT đã ban hành nhiều nghị quyết, biên bản trong quản lý, điều hành:

- Xây dựng và chuẩn bị tài liệu, nội dung tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2015.
- Giám sát việc thực hiện Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.
- Ra nghị quyết về việc phân công nhiệm vụ cho các thành viên HDQT, Ban TGD thực hiện.
- HDQT đã tổ chức các cuộc họp thường kỳ để nghe Ban TGD báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, có những chỉ đạo sâu sát về nhân sự, thu mua nguyên liệu, đàm phán khách hàng...
- Chỉ đạo tiến độ thực hiện sửa chữa thường xuyên nhà xưởng, đầu tư mua sắm trang thiết bị, đôn đốc thực hiện công tác xây dựng di dời thiết bị đưa về các XN hợp lý và một số công tác khác.
- Các Biên bản về tái cơ cấu vốn vay, vay vốn tại các tổ chức tài chính và tín dụng.

** Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:*

Hội đồng quản trị công ty đã thường xuyên thực hiện trao đổi thông tin trong công việc bằng email, điện thoại và các cuộc họp có mặt trực tiếp, nhằm thống nhất đưa ra các chủ trương, chính sách nhanh chóng và kịp thời để giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Trong năm qua Hội đồng quản trị công ty đã tổ chức 06 phiên họp để thông qua các vấn đề liên quan. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị luôn kịp thời và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

d) *Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.*

Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành đã tích cực hoạt động, khách quan, hợp tác cùng vì lợi ích của Camimex và các cổ đông.

e) *Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:*

Công ty chưa có tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.

f) *Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị đơn vị trong năm.*

Hội đồng quản trị tại thời điểm 31/12/2015 gồm 05 thành viên, trong đó gồm 01 thạc sỹ và 04 cử nhân có kinh nghiệm công tác thực tế nhiều năm trong ngành thủy sản.

2. BAN KIỂM SOÁT:

a) *Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát tại thời điểm 31/12/2015:*

TT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ			Tỷ lệ
			Số CP đại diện	Số CP Cá nhân sở hữu	Cộng	
1	Huỳnh Hữu Nhân	Trưởng ban	-	-	-	-
2	Nguyễn Hoàng Nghĩa	Thành viên	-	-	-	-
3	Nguyễn Đăng Duẩn	Thành viên	-	-	-	-

❖ **Ông Huỳnh Hữu Nhân - Trưởng ban kiểm soát**

- Ngày tháng năm sinh: 06/05/1978
- Nơi sinh : Xã Hưng Mỹ - Huyện Cái Nước – Tỉnh Cà Mau
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Hưng Mỹ - Cái Nước – Cà Mau
- Số ĐT liên lạc : 0919. 449957
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp Đại học, chuyên ngành Công nghệ thực phẩm
- Quá trình công tác :
 - + Năm 2002 – 2012: Công tác tại Tập đoàn Phú Cường (Phu Cuong Group)
 - + Năm 2013 đến nay: Công tác tại Công ty CP CBTS & XNK Cà Mau
- Chức vụ hiện tại: Trưởng ban kiểm soát và Phó phòng KĐTH Công ty
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

❖ Ông Nguyễn Hoàng Nghĩa - Thành viên ban kiểm soát

- Ngày tháng năm sinh: 01/10/1980
- Nơi sinh : Cà Mau
- Quốc tịch : Việt Nam ; Dân tộc: Kinh
- Quê quán : Cà Mau ; Điện thoại liên lạc: 0919.109 000
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân QTKD; TH Kế toán doanh nghiệp.
- Quá trình công tác:
 - + Năm 2000 đến 2002: Công tác tại Công ty CP chế biến và XNK CADOVIMEX
 - + Năm 2003 đến 2006 : Nhân viên phòng kế toán Công ty cổ phần thực phẩm Cà Mau
 - + Năm 2007 đến nay : Công tác tại Công ty CP CBTS & XNK Cà Mau.
 - + Từ tháng 06/2009 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát Cty CP CBTS & XNK Cà Mau.
- Chức vụ hiện tại: Thành viên ban kiểm soát và Phó phòng HCNS Công ty
- Quyền lợi mâu thuẫn với đơn vị: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

❖ Ông Nguyễn Đăng Duẩn - Thành viên ban kiểm soát

- Ngày tháng năm : 31/07/1980
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam ; Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú : 7D Bùi Văn Ba, Tổ 27, Khu phố 2, P. Tân Thuận Đông, Q.7, TP.HCM
- Điện thoại liên lạc : 0912068357
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học luật
- Quá trình công tác :
 - + Năm 2002 - 2007 : Chuyên viên tư vấn Công ty tư vấn Thái Dương
 - + Năm 2007 - đến nay: Luật sư, trưởng chi nhánh Văn phòng luật sư Prime VN tại TP.HCM
 - + Năm 2011 - đến nay: Luật sư Công ty TNHH tư vấn đầu tư Ecolaw
- Chức vụ hiện tại : Thành viên Ban kiểm soát Công ty
- Quyền lợi mâu thuẫn với đơn vị: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Giám sát để đảm bảo Camimex hoạt động theo đúng Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty cũng như các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Tham gia công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông, đảm bảo công tác này được thực hiện nghiêm túc và đúng các quy định của nhà nước.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Thù lao, các khoản lợi ích:

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2015:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Tiền lương, thưởng :	943.360.910	1.457.027.473
- Phụ cấp thù lao :	<u>120.000.000</u>	<u>422.000.000</u>
Tổng :	1.063.360.910	1.879.027.473

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ phát sinh trong năm 2015: Không.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ
XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	13 - 45
8. Phụ lục 1	46
9. Phụ lục 2	47

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn").

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau được thành lập theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000103908 (số cũ là 6103000065), đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 29 tháng 9 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
Điện thoại : (84-780) 3.831.608
Fax : (84-780) 3.832.297
E_mail : camimex@hcm.vnn.vn
Website : www.camimexseafood.com.vn
Mã số thuế : 2000103908

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: Chế biến thủy sản các loại; Xuất khẩu thủy sản, nông sản thực phẩm; Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân; Nuôi tôm; Nuôi trồng thủy sản nội địa.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch	24 tháng 01 năm 2013
Ông Nguyễn An Ninh	Thành viên	20 tháng 11 năm 2011
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Thành viên	20 tháng 11 năm 2011
Ông Bùi Đức Cường	Thành viên	26 tháng 6 năm 2013
Ông Ngô Quang Phú	Thành viên	03 tháng 01 năm 2014
Ông Đặng Ngọc Sơn	Thành viên	01 tháng 8 năm 2014

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Huỳnh Hữu Nhân	Trưởng ban	01 tháng 8 năm 2014
Ông Nguyễn Hoàng Nghĩa	Thành viên	01 tháng 8 năm 2014
Ông Nguyễn Đăng Duẩn	Thành viên	01 tháng 8 năm 2014

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn An Ninh	Tổng Giám đốc	19 tháng 6 năm 2012
Ông Bùi Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc	04 tháng 3 năm 2013
Bà Trương Thị Bích Phượng	Phó Tổng Giám đốc	04 tháng 3 năm 2013





Số: 0599/2016/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 22 tháng 3 năm 2016, từ trang 06 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tập đoàn chưa hợp nhất số liệu Báo cáo tài chính của Công ty con: Công ty TNHH một thành viên CAMIMEX - Kiên Giang vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn (xem thuyết minh I.6c). Với những tài liệu hiện có của Tập đoàn, chúng tôi không thể đánh giá được mức độ ảnh hưởng đến việc chưa hợp nhất số liệu Báo cáo tài chính của Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Ngọc Thành - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1195-2013-008-1

Nguyễn Ngọc Quyên - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2616-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 4 năm 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		453.725.313.241	425.041.357.451
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	11.256.404.470	7.142.888.199
1. Tiền	111		11.256.404.470	5.142.888.199
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		88.114.404.836	58.632.877.920
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	75.406.114.966	44.125.253.932
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	12.998.982.132	15.659.272.816
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	14.318.571.335	12.069.817.303
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(14.682.718.959)	(13.300.817.831)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.6	73.455.362	79.351.700
IV. Hàng tồn kho	140		322.347.381.887	348.719.987.532
1. Hàng tồn kho	141	V.7	351.520.045.482	513.453.399.876
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(29.172.663.595)	(164.733.412.344)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		32.007.122.048	10.545.603.800
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.491.312.741	150.970.355
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.320.031.442	3.834.176.917
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	24.195.777.865	6.560.456.528
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

004
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU
CHỖ NHỮNG KẾ TOÁN HỢP NHẤT
A 1
 H-T.1

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		224.939.204.189	190.621.137.384
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		132.371.200	132.371.200
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	132.371.200	132.371.200
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		118.091.912.870	102.802.653.669
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	114.820.859.651	98.974.824.697
- Nguyên giá	222		272.832.233.339	243.042.837.319
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(158.011.373.688)	(144.068.012.622)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	3.271.053.219	3.827.828.972
- Nguyên giá	228		9.145.105.542	9.145.105.542
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.874.052.323)	(5.317.276.570)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		104.463.794.039	86.786.538.607
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	104.463.794.039	86.786.538.607
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.251.126.080	899.573.908
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	2.251.126.080	888.038.817
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	11.535.091
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		678.664.517.430	615.662.494.835

1987
GT
M HỮU
VÀ TÍ
C
HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		612.259.862.812	573.917.620.432
I. Nợ ngắn hạn	310		607.278.262.991	568.547.474.437
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	154.494.403.296	107.582.171.788
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	7.617.545.267	9.110.159.736
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	9.453.007.440	3.371.828.964
4. Phải trả người lao động	314	V.15	4.145.929.198	3.973.209.817
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	2.398.570.825	3.221.776.573
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	31.986.762.562	38.304.038.572
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	396.166.992.487	401.969.237.071
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	1.015.051.916	1.015.051.916
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		4.981.599.821	5.370.145.995
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	450.000.000	200.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	4.497.394.000	5.127.246.193
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.20	34.205.821	42.899.802
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

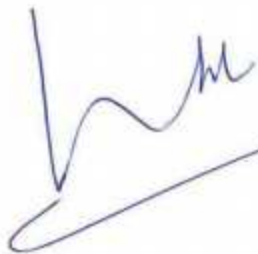
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		66.404.654.618	41.744.874.403
I. Vốn chủ sở hữu	410		66.404.654.618	41.744.874.403
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	132.212.340.000	132.212.340.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		132.212.340.000	132.212.340.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	1.995.223.836	1.995.223.836
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	(67.802.909.218)	(92.462.689.433)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(92.462.689.433)	(92.462.689.433)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		24.659.780.215	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		678.664.517.430	615.662.494.835

Cà Mau, ngày 22 tháng 3 năm 2016


Lữ Hồng Lam
Người lập biểu

Nguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởng

 Nguyễn An Ninh
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	812.754.133.231	898.619.956.150
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	499.097.659	5.368.678.128
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		812.255.035.572	893.251.278.022
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	690.278.551.746	788.059.953.715
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		121.976.483.826	105.191.324.307
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	7.993.942.872	2.758.586.489
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	39.304.817.350	30.512.207.596
Trong đó: chi phí lãi vay	23		22.113.319.046	24.626.971.368
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	36.805.613.260	30.759.689.670
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	28.429.592.246	30.054.187.587
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		25.430.403.842	16.623.825.943
12. Thu nhập khác	31	VI.8	9.744.470.900	1.897.988.709
13. Chi phí khác	32	VI.9	6.391.219.738	8.308.351.073
14. Lợi nhuận khác	40		3.353.251.162	(6.410.362.364)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		28.783.655.004	10.213.463.579
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	4.121.033.679	2.750.289.534
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	2.841.110	196.429.412
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>24.659.780.215</u>	<u>7.266.744.633</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>24.659.780.215</u>	<u>7.266.744.633</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11a	<u>1.865</u>	<u>550</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11a	<u>1.865</u>	<u>550</u>

M.S.V. O.T.A


Lữ Hồng Lam
Người lập biểu

Nguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởng

Cà Mau, ngày 22 tháng 3 năm 2016

Nguyễn An Ninh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		28.783.655.004	10.213.463.579
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9,V.10	14.804.869.279	19.029.618.996
- Các khoản dự phòng	03	V.5,V.7	(134.178.847.621)	15.729.037.101
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	(214.869.009)	1.450.756.852
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.9	592.078.883	(112.038.889)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	22.113.319.046	24.626.971.368
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(68.099.794.418)	70.937.809.007
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(50.641.100.312)	33.592.975.717
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		161.933.354.394	(43.499.390.484)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		28.931.952.395	19.024.321.437
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.703.429.649)	1.178.646.437
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.16,VI.5	(22.879.496.042)	(26.675.423.253)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(1.248.524.232)	(3.630.634.045)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	500.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(693.472.150)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		45.292.962.136	50.734.832.666
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(34.873.756.966)	(9.101.785.804)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		59.863.636	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	3.155.556	112.038.889
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(34.810.737.774)	(8.989.746.915)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

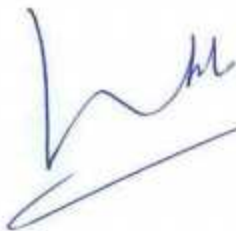
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền (đồng)	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.2	1.224.340.303.207	1.534.631.273.246
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.3	(1.230.690.735.413)	(1.575.957.254.291)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.350.432.206)	(41.325.981.045)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		4.131.792.156	419.104.706
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	7.142.888.199	6.702.138.153
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(18.275.885)	21.645.340
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	11.256.404.470	7.142.888.199

Cà Mau, ngày 22 tháng 3 năm 2016



Lữ Hồng Lam
Người lập biểu



Nguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn An Ninh
Tổng Giám đốc

004
ÔN
NHỆ
CÁN
1 &
T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và chế biến.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Chế biến thủy sản các loại; Xuất khẩu thủy sản, nông sản thực phẩm; Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân; Nuôi tôm; Nuôi trồng thủy sản nội địa.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Từ trước ngày 01 tháng 4 năm 2015 Công ty thành lập Công ty TNHH MTV sản xuất tôm giống sinh thái – Camimex hoạt động dưới hình thức như một dự án và kinh phí hoạt động lấy từ nguồn Công ty hưởng 5% từ một Hợp đồng thỏa thuận về xuất khẩu. Từ ngày 01 tháng 4 năm 2015, Công ty đã tách hoạt động riêng độc lập cho Công ty TNHH MTV sản xuất tôm giống sinh thái – Camimex.

Trong năm, căn cứ vào chứng thư thẩm định giá của Công ty TNHH thẩm định giá Hoàng Quân, Công ty đã ghi tăng giá trị tài sản và thu nhập khác với số tiền là 7.953.000.000 VND (xem thuyết minh VII.1), trong đó, giá trị tài sản cố định hữu hình là 7.565.398.557 VND và giá trị công cụ, dụng cụ là 387.601.443 VND. Các tài sản này sau đó được Công ty góp vốn vào Công ty TNHH MTV sản xuất tôm giống sinh thái – Camimex. Đây là những tài sản được hình thành bởi nguồn quỹ 5% được Công ty cấp cho dự án tôm giống sinh thái trước đây.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Trong đó, 02 công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này và 01 công ty con không được hợp nhất.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH thủy sản Camimex	Số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Gia công, chế biến, xuất khẩu.	99,99%	99,72%	99,99%	99,72%
Công ty TNHH một thành viên sản xuất tôm giống sinh thái – Camimex	Ấp Nhà Hội, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	Sản xuất kinh doanh tôm giống.	100%	100%	100%	100%

1815
i TY
HUI
A TU
C
80

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6c. Công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH một thành viên Camimex – Kiên Giang	Khu đô thị Đông Hòa, ấp Càng, xã Hòa Điền, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	Đã ngưng hoạt động chờ giải thể.	100%	100%

Tập đoàn đã chấm dứt hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Camimex – Kiên Giang để chuyển sang hoạt động dưới hình thức Chi nhánh của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau. Tuy nhiên, theo Thông báo số 06/ĐKGT ngày 09 tháng 01 năm 2014 của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang thì Công ty TNHH một thành viên CAMIMEX – Kiên Giang đã nộp hồ sơ xin giải thể nhưng đến thời điểm này vẫn đang chờ hoàn tất thủ tục pháp lý để chấm dứt hoạt động của Công ty con này.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Tập đoàn và Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 1.162 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 883 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực kế toán, các Thông tư này và các Thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và Ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

3004
CỘNG HÒA
TOÀN
A
NH-T

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chỉ phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

1981
GT
CHẾ
VAT
PH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	02 – 50
Máy móc và thiết bị	03 – 60
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 16

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà Tập đoàn đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm có thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại và trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại và trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Nếu khoản chiết khấu thương mại và trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các Chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.614.261.304	174.934.552
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.642.143.166	4.967.953.647
Các khoản tương đương tiền	-	2.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	-	2.000.000.000
Cộng	<u>11.256.404.470</u>	<u>7.142.888.199</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>75.406.114.966</i>	<i>44.125.253.932</i>
MAZZETTA	11.084.778.872	10.551.030.722
Công ty TNHH thủy sản Nam Cà Mau	33.742.513.562	-
Các khách hàng khác	30.578.822.532	33.574.223.210
Cộng	<u>75.406.114.966</u>	<u>44.125.253.932</u>

Tổng các khoản nợ phải thu tại mọi thời điểm đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại các Ngân hàng.

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>12.998.982.132</i>	<i>15.659.272.816</i>
CMC SEAFOOD CORPORATION	1.609.350.000	-
Công ty cổ phần kỹ thuật công nghệ Đức Duy	2.298.000.000	2.298.000.000
Công ty TNHH một thành viên thiết kế - giám sát - xây dựng Hưng Long	2.056.053.000	5.102.253.981
Công ty cổ phần thủy sản Phú Minh Hưng	1.300.000.000	1.300.000.000
Các nhà cung cấp khác	5.735.579.132	6.959.018.835
Cộng	<u>12.998.982.132</u>	<u>15.659.272.816</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Phải thu khác**4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	2.193.575.679	-	2.199.575.679	-
Công ty TNHH MTV Camimex – Kiên Giang – Phải thu khác do chí hộ	2.193.575.679	-	2.199.575.679	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	12.124.995.656	511.500.129	9.870.241.624	454.504.800
Phải thu khác	1.660.357.997	511.500.129	5.822.548.264	454.504.800
Tạm ứng nhân viên	9.719.465.795	-	4.047.693.360	-
Dự án nuôi tôm Kiên Giang	745.171.864	-	-	-
Cộng	14.318.571.335	511.500.129	12.069.817.303	454.504.800

4b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức khác</i>	132.371.200	-	132.371.200	-
Ký cược, ký quỹ	132.371.200	-	132.371.200	-
Cộng	132.371.200	-	132.371.200	-

5. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		14.682.718.959	-		- 14.048.712.493	747.894.662
MAZZETTA – Phải thu tiền hàng	Trên 3 năm	11.084.778.872	-	Trên 3 năm	10.551.030.722	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		3.597.940.087	-		3.497.681.771	747.894.662
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>		-	-	<i>Trên 6 tháng đến dưới 1 năm</i>	10.884.054	7.618.837
		-	-	<i>Từ 2 năm đến dưới 3 năm</i>	998.477.423	299.543.227
	Trên 3 năm	1.075.152.818	-	<i>Trên 3 năm</i>	20.370.756	-
<i>Phải thu khác</i>		-	-	<i>Từ 2 năm đến dưới 3 năm</i>	7.191.992	2.157.598
	Trên 3 năm	511.500.129	-	<i>Trên 3 năm</i>	449.470.406	-
<i>Trả trước người bán</i>		-	-	<i>Từ 1 năm đến dưới 2 năm</i>	97.150.000	48.575.000
		-	-	<i>Từ 2 năm đến dưới 3 năm</i>	1.300.000.000	390.000.000
	Trên 3 năm	2.011.287.140	-	<i>Trên 3 năm</i>	614.137.140	-
Cộng		14.682.718.959	-		14.048.712.493	747.894.662

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn
Số đầu năm	(13.300.817.831)
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.381.901.128)
Hoàn nhập dự phòng	-
Số cuối năm	(14.682.718.959)

6. Tài sản thiếu chờ xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng tồn kho	73.455.362	79.351.700
Cộng	73.455.362	79.351.700

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	9.691.768.055	-	9.898.345.770	-
Công cụ, dụng cụ	2.588.605.953	-	2.325.861.404	-
Thành phẩm	339.226.815.218	(29.172.663.595)	501.216.336.446	(164.733.412.344)
Hàng hóa	12.856.256	-	12.856.256	-
Cộng	351.520.045.482	(29.172.663.595)	513.453.399.876	(164.733.412.344)

Tất cả thành phẩm tồn kho cuối năm đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(164.733.412.344)	(153.958.721.075)
Trích lập dự phòng bổ sung	(14.552.377.874)	(10.774.691.269)
Hoàn nhập dự phòng	150.113.126.623	-
Số cuối năm	(29.172.663.595)	(164.733.412.344)

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.118.383.450	136.970.355
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	372.929.291	14.000.000
Cộng	1.491.312.741	150.970.355

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa kho	-	127.707.803
Chi phí đào ao nuôi tôm	-	357.681.682
Công cụ, dụng cụ	2.241.126.080	402.649.332
Chi phí khác	10.000.000	-
Cộng	2.251.126.080	888.038.817



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

Thông tin về biến động của tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 50.715.050.212 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

10. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	8.736.905.542	408.200.000	9.145.105.542
Số cuối năm	8.736.905.542	408.200.000	9.145.105.542
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.045.680.607	408.200.000	3.453.880.607
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	4.951.811.218	365.465.352	5.317.276.570
Khấu hao trong năm	514.041.105	42.734.648	556.775.753
Số cuối năm	5.465.852.323	408.200.000	5.874.052.323
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.785.094.324	42.734.648	3.827.828.972
Số cuối năm	3.271.053.219	-	3.271.053.219
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Tất cả tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 3.271.053.219 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	1.332.830.081	5.818.182	-	(5.818.182)	1.332.830.081
- Dự án nuôi tôm Kiên Giang ⁽⁰⁾	1.284.004.913	-	-	-	1.284.004.913
- Chi phí khác	48.825.168	5.818.182	-	(5.818.182)	48.825.168
Xây dựng cơ bản dở dang	85.453.708.526	21.887.724.811	(4.174.716.932)	(35.752.447)	103.130.963.958
Đầu tư mới kho lạnh 1.500 tấn - Xi nghiệp 5	8.371.614.714	35.752.447	-	(35.752.447)	8.371.614.714
Hệ thống điện dự án nuôi tôm ở Kiên Giang ⁽⁰⁾	4.129.922.243	-	-	-	4.129.922.243
Khu nhà ở nuôi tôm ⁽⁰⁾	596.852.000	-	-	-	596.852.000
Kho Quận 7	-	2.214.132.492	(2.214.132.492)	-	-
Công trình sửa chữa xí nghiệp 5 - Nhận bàn giao máy móc thiết bị góp vốn từ Công ty	41.509.201.630	-	(1.960.584.440)	-	39.548.617.190

0044
: ÔN
- NHIE
TOÁN
A &
Y-T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
<i>Công trình sửa chữa xí nghiệp 5 - Nhận bàn giao chi phí đầu tư xây dựng cơ bản</i>	30.792.142.939	-	-	-	30.792.142.939
<i>Phần mềm FAST</i>	53.975.000				53.975.000
<i>Quyền sử dụng đất thuê đang làm thủ tục</i>	-	19.637.839.872	-	-	19.637.839.872
Cộng	86.786.538.607	21.893.542.993	(4.174.716.932)	(41.570.629)	104.463.794.039

- (i) Tính đến năm 2014 khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang của dự án nuôi tôm Chi nhánh Camimex Kiên Giang đã hoàn thành, đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định với số tiền là 6.059.604.324 VND, nhưng do hiện còn ảnh hưởng tình hình của Công ty TNHH MTV Camimex Kiên Giang chưa hoàn tất thủ tục giải thể nên các tài sản này chưa được ghi tăng và trích khấu hao phát sinh. Tập đoàn xem xét tăng tài sản sau khi đã hoàn tất thủ tục giải thể.

Tập đoàn đã thế chấp công trình xây dựng dở dang với giá trị theo sổ sách tại ngày kết thúc năm tài chính là 78.712.374.843 VND (số đầu năm là 80.672.959.283 VND) để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	9.284.296.499	12.459.803.814
Công ty TNHH MTV Camimex - Kiên Giang	865.519.003	865.519.003
Công ty TNHH một thành viên chế biến thủy sản Hải Nam	8.418.777.496	11.594.284.811
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	145.210.106.797	95.122.367.974
Ulka Seafoods (P) LTD	22.383.207.252	-
Công ty TNHH thủy sản Nam Cà Mau	30.060.383.486	-
Các nhà cung cấp khác	92.766.516.059	95.122.367.974
Cộng	154.494.403.296	107.582.171.788

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	7.617.545.267	9.110.159.736
COOP, BASEL	7.252.877.078	7.252.877.078
Các khách hàng khác	364.668.189	1.857.282.658
Cộng	7.617.545.267	9.110.159.736

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.166.546.893	-	713.319.672	(1.879.866.565)	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	88.283.550	(88.283.550)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	(1.869.622.601)	13.741.000	(20.011.498.179)	-	(21.867.379.780)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.248.524.232	(4.690.833.927)	4.121.033.679	(1.248.524.232)	1.758.597.837	(2.328.398.085)

381
3 T
4 H
VAT
C
H

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
<i>Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau</i>	-	(4.690.833.927)	2.362.435.842	-	-	(2.328.398.085)
<i>Công ty TNHH thủy sản Camimex</i>	1.248.524.232	-	1.472.202.080	(1.248.524.232)	1.472.202.080	-
<i>Công ty TNHH MTV sản xuất tôm giống sinh thái Camimex</i>	-	-	286.395.757	-	286.395.757	-
Thuế thu nhập cá nhân	737.934.869	-	1.246.398.597	(947.346.686)	1.036.986.780	-
Thuế tài nguyên	27.034.090	-	278.229.989	(281.313.215)	23.950.864	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất (*)	153.196.046	-	20.978.056.751	(14.646.464.253)	6.484.788.544	-
Các loại thuế khác	-	-	224.630.286	(118.315.143)	106.315.143	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	38.592.834	-	715.549.931	(711.774.493)	42.368.272	-
Cộng	3.371.828.964	(6.560.456.528)	28.379.243.455	(39.933.386.316)	9.453.007.440	(24.195.777.865)

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các nhóm mặt hàng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu 0%
- Hàng thủy sản đã qua sơ chế bán trong nước 5%
- Hàng thủy sản chưa qua sơ chế bán ở khâu thương mại Không kê khai, tính thuế
- Dịch vụ gia công sơ chế hàng thủy sản 5%
- Hàng thủy sản đã qua chế biến bán trong nước 10%
- Dịch vụ gia công chế biến hàng thủy sản 10%
- Các dịch vụ khác 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau:

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ, Công ty cổ phần thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn nên hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10%.

Thu nhập từ các hoạt động khác của Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% do được hưởng ưu đãi địa bàn kinh tế xã hội khó khăn theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài Chính.

Công ty TNHH thủy sản Camimex:

Theo hướng dẫn của Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ tài chính về thuế thu nhập doanh nghiệp thì từ năm 2015 Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động áp dụng đối với thu nhập từ nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản ở địa bàn kinh tế xã hội khó khăn.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty TNHH MTV sản xuất tôm giống sinh thái Camimex:

Theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về Thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho kỳ tính thuế Thu nhập doanh nghiệp từ năm 2015 trở đi thì thu nhập của Công ty từ nuôi trồng thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được miễn Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.410.752.368	3.936.510.790
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	8.928.294.082	3.081.517.376
- Các khoản điều chỉnh giảm	(392.619.914)	(965.273.760)
Thu nhập chịu thuế	<u>15.946.426.536</u>	<u>6.052.754.406</u>
Thu nhập tính thuế	15.946.426.536	6.052.754.406
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh (thuế suất ưu đãi 20%)	-	6.052.754.406
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh (thuế suất ưu đãi 10%)	<u>15.946.426.536</u>	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>1.594.642.654</u>	<u>1.210.550.881</u>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	<u>767.793.188</u>	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>2.362.435.842</u>	<u>1.210.550.881</u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các Công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế tài nguyên

Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước để sản xuất nước đá và sử dụng cho sản xuất chế biến trong nhà máy từ năm 2009 đến năm 2013 theo Quyết định số 335/QĐ-CT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Cục thuế tỉnh Cà Mau.

Công ty TNHH thủy sản Camimex phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước dưới lòng đất và nước trên mặt với mức 25.000 VND/m³ đối với nước dưới lòng đất và 4.000 VND/m³ đối với nước trên mặt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)***Thuế nhà đất, tiền thuê đất***

Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau phải nộp thuế nhà đất và tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê theo thông báo hàng năm của Cục thuế tỉnh Cà Mau.

(*) Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau phải nộp tiền sử dụng đất theo Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 1539/TB-CT và 1540/TB-CT ngày 05 tháng 6 năm 2015 của Cục thuế tỉnh Cà Mau khi Công ty làm thủ tục để chuyển từ hình thức thuê đất sang hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	4.145.929.198	3.973.209.817
Cộng	4.145.929.198	3.973.209.817

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	65.061.484	71.577.602
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Cà Mau – Chi phí lãi vay phải trả	65.061.484	71.577.602
<i>Phải trả các tổ chức khác</i>	2.333.509.341	3.150.198.971
Chi phí lãi vay phải trả	2.333.509.341	3.093.170.219
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	57.028.752
Cộng	2.398.570.825	3.221.776.573

17. Phải trả khác**17a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	257.261.998	78.761.998
Bùi Đức Cường	35.000.000	-
Nguyễn An Ninh	113.761.998	78.761.998
Bùi Sĩ Tuấn	42.000.000	-
Nguyễn Hoàng Nam	35.000.000	-
Đặng Ngọc Sơn	31.500.000	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	31.729.500.564	38.225.276.574
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10.384.825.218	10.384.825.218
Kinh phí công đoàn	2.582.991.380	2.457.557.447
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	7.044.261.174	8.145.406.937
Tài sản thừa chờ giải quyết	135.244.175	105.859.912
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	500.000.000	500.000.000
Nhóm quản lý phát triển nuôi tôm sinh thái	8.033.230.546	3.291.550.963
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.048.948.071	13.340.076.097
Cộng	31.986.762.562	38.304.038.572

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**17b. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả tổ chức khác</i>	450.000.000	200.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	450.000.000	200.000.000
Cộng	450.000.000	200.000.000

18. Vay và nợ thuê tài chính**18a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	41.452.422.062	34.567.078.200
Vay ngắn hạn ngân hàng	34.183.713.200	34.357.078.200
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱ⁾</i>	34.183.713.200	34.357.078.200
Vay dài hạn đến hạn trả	710.000.000	210.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Cà Mau</i>	710.000.000	210.000.000
Vay ngắn hạn tổ chức cá nhân khác	6.558.708.862	-
<i>Công ty TNHH một thành viên chế biến thủy sản Hải Nam - Phải trả tiền tạm mượn không tính lãi</i>	6.558.708.862	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	354.714.570.425	367.402.158.871
Vay ngắn hạn ngân hàng	328.935.560.886	347.574.220.668
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱ⁾</i>	207.765.305.252	217.719.448.989
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>	62.597.235.962	56.628.770.254
<i>Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ^(iv)</i>	2.434.320.000	4.337.907.000
<i>Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh ^(v)</i>	56.138.699.672	49.338.339.404
<i>Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Bạc Liêu</i>	-	19.549.755.021
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	10.754.090.450	2.346.987.914
<i>Cơ sở kinh doanh Thanh Sơn ^(vi)</i>	-	1.743.987.914
<i>Các tổ chức và cá nhân khác – Tiền tạm mượn không lãi</i>	10.754.090.450	603.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	15.024.919.089	17.480.950.289
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ^(vii)</i>	1.880.410.193	4.793.824.110
<i>Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng phát triển khu vực Minh Hải ^(viii)</i>	13.144.508.896	12.687.126.179
Cộng	396.166.992.487	401.969.237.071

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau với hạn mức 37.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động mua nguyên liệu sản xuất hàng thủy sản xuất khẩu. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tôm thành phẩm tại các kho hàng và các khoản phải thu khách hàng nước ngoài thông qua các quyền đòi nợ và tài sản của bên thứ ba (cổ phiếu của Công ty).

1004
CỘNG
HỘI
TOÁN
A
H.T.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động kinh doanh và chế biến hàng thủy sản xuất khẩu. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tài sản và quyền sử dụng đất của bên thứ 3.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động mua tôm nguyên liệu với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng bộ chứng từ thanh toán xuất khẩu và thế chấp tài sản.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau với hạn mức 45.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp (tổng giá trị tài sản đảm bảo: 97.000.000.000 VND, bao gồm hàng hóa tồn kho luân chuyển là tôm thành phẩm và toàn bộ nguyên liệu trong kho).
- (v) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng hóa và bất động sản chưa hoàn thành nên chưa tiến hành ký hợp đồng thế chấp.
- (vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau để xây dựng nhà xưởng, mua sắm máy móc thiết bị. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- (vii) Khoản vay Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng phát triển khu vực Minh Hải bằng nguồn vốn ODA để đầu tư mới phân xưởng sản xuất.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn các cá nhân và tổ chức khác	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	381.931.298.868	2.346.987.914	17.690.950.289	401.969.237.071
Số tiền vay phát sinh trong năm	1.182.898.791.560	39.141.511.647	-	1.222.040.303.207
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	-	2.590.410.193	2.590.410.193
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	(74.805.276)	-	(6.859.295)	(81.664.571)
Số tiền vay đã trả trong năm	(1.201.636.011.066)	(24.175.700.249)	(4.539.582.098)	(1.230.351.293.413)
Số cuối năm	363.119.274.086	17.312.799.312	15.734.919.089	396.166.992.487

18b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan	1.833.894.000	420.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Cà Mau ^(viii)	1.833.894.000	420.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức khác	2.663.500.000	4.707.246.193
Vay dài hạn ngân hàng	2.663.500.000	4.707.246.193
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ^(ix)	2.663.500.000	4.707.246.193
Cộng	4.497.394.000	5.127.246.193

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (viii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Cà Mau để mua xe Toyota Camry với hạn mức 630.000.000 VND và lãi suất của 6 tháng đầu tiên là 9,0% / năm, từ tháng thứ 7 trở đi lãi suất được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng / lần, thời hạn vay 36 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ix) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương – Chi nhánh Cà Mau để xây dựng nhà xưởng, mua sắm máy móc thiết bị. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Vay dài hạn ngân hàng	20.232.313.089	15.734.919.089	4.497.394.000	-
Cộng	20.232.313.089	15.734.919.089	4.497.394.000	-

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.127.246.193	7.697.058.833
Số tiền vay phát sinh	2.300.000.000	4.713.500.000
Số tiền vay đã trả	(339.442.000)	(2.999.488.530)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(2.590.410.193)	(4.283.824.110)
Số cuối năm	4.497.394.000	5.127.246.193

18c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Gốc	Lãi	Cộng	Gốc	Lãi	Cộng
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Các đơn vị khác</i>	<i>13.144.508.896</i>	<i>1.352.087.428</i>	<i>14.496.596.324</i>	<i>12.687.126.179</i>	<i>953.539.485</i>	<i>13.640.665.664</i>
Vay	13.144.508.896	1.352.087.428	14.496.596.324	12.687.126.179	953.539.485	13.640.665.664
<i>Vay Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng phát triển khu vực Minh Hải⁽ⁱ⁾</i>	<i>13.144.508.896</i>	<i>1.352.087.428</i>	<i>14.496.596.324</i>	<i>12.687.126.179</i>	<i>953.539.485</i>	<i>13.640.665.664</i>
Cộng	13.144.508.896	1.352.087.428	14.496.596.324	12.687.126.179	953.539.485	13.640.665.664

- (i) Khoản vay này chưa được thanh toán do Tập đoàn đang làm việc với Ngân hàng và chưa xác định được thời gian tất toán khoản nợ.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	513.225.065	-	-	513.225.065
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	394.801.379	-	-	394.801.379
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	107.025.472	-	-	107.025.472
Cộng	1.015.051.916	-	-	1.015.051.916

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**20. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm của khoản mục tiền và nợ phải thu. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	42.899.802	1.868.775
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(7.271.230)	41.031.027
Ghi nhận vào vốn chủ sở hữu	-	-
Số cuối năm	34.205.821	42.899.802

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 10% (năm trước thuế suất là 20% và 22%).

21. Vốn chủ sở hữu**21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 132.212.340.000 VND

Số lượng cổ phần: 13.221.234 cổ phần

Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phần

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch CMX.

21c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.221.234	13.221.234
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.221.234	13.221.234
- Cổ phiếu phổ thông	13.221.234	13.221.234
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.221.234	13.221.234
- Cổ phiếu phổ thông	13.221.234	13.221.234
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**22a. Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	265.398,36	131.337,84
Euro (EUR)	19,66	19,66

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	447.876.998.548	311.675.385.689
Doanh thu bán thành phẩm	357.967.582.344	585.852.480.001
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.662.489.536	-
Doanh thu bán phụ phẩm	1.272.171.440	1.092.090.460
Doanh thu cho thuê tài sản	974.891.363	-
Cộng	<u>812.754.133.231</u>	<u>898.619.956.150</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	480.854.059	623.700.120
Hàng bán bị trả lại	18.243.600	4.744.978.008
Cộng	<u>499.097.659</u>	<u>5.368.678.128</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	492.133.481.141	293.001.256.937
Giá vốn của thành phẩm đã bán	333.705.819.354	495.058.696.778
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(135.560.748.749)	-
Cộng	<u>690.278.551.746</u>	<u>788.059.953.715</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.155.556	112.038.889
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	19.114.264	22.408.825
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	7.756.804.043	2.624.138.775
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	214.869.009	-
Cộng	<u>7.993.942.872</u>	<u>2.758.586.489</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	22.113.319.046	24.626.971.368
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	17.191.498.304	4.434.479.376
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	1.450.756.852
Cộng	<u>39.304.817.350</u>	<u>30.512.207.596</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.095.959.345	3.647.934.776
Chi phí vật liệu, bao bì	2.371.826	15.755.961
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	57.927.198	55.539.376
Chi phí khấu hao tài sản cố định	379.958.797	413.132.430
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.214.347.273	18.517.487.843
Các chi phí khác	13.055.048.821	8.109.839.284
Cộng	<u>36.805.613.260</u>	<u>30.759.689.670</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	11.965.870.713	8.716.371.070
Chi phí vật liệu quản lý	5.455.970	1.944.567
Chi phí đồ dùng văn phòng	857.897.057	453.171.316
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.301.494.680	2.093.456.354
Thuế, phí và lệ phí	142.637.636	1.797.608.207
Dự phòng phải thu khó đòi	1.381.901.128	4.954.345.832
Chi phí dịch vụ mua ngoài	284.948.453	264.292.140
Các chi phí khác	12.489.386.609	11.772.998.101
Cộng	<u>28.429.592.246</u>	<u>30.054.187.587</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ thu hoạch tôm Kiên Giang	-	735.996.974
Thu từ nhận hỗ trợ và giảm giá hàng nhập khẩu do hàng kém chất lượng	1.218.766.853	-
Thu nhập từ giảm giá hàng mua	129.362.688	-
Thu tiền từ xử lý tài sản kiểm kê	27.031.121	352.155.891
Thu nhập khác	416.310.238	809.835.844
Thu nhập do tăng tài sản bất thường	7.953.000.000	-
Cộng	<u>9.744.470.900</u>	<u>1.897.988.709</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuê luật sư cho POR9	128.340.000	-
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	595.234.439	-
Tiền thuê đất, phân bổ chi phí các năm trước	-	119.542.044
Thuế phạt, bị truy thu, vi phạm hành chính	2.838.905.520	318.161.672
Chi phí bồi thường vụ kiện Contessa	-	3.240.806.370
Chi phí từ thu hoạch tôm Kiên Giang	511.020.615	2.311.239.792
Chi phí khác	425.858.471	806.512.070
Tiền án phí và thi hành án	285.647.831	-
Tiền thuê và thuế đất cho phần đất đã góp vốn	1.361.423.929	-
Khấu hao các tài sản cố định không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	244.788.933	1.512.089.125
Cộng	<u>6.391.219.738</u>	<u>8.308.351.073</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	11.919.931	41.031.027
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	11.535.091	155.398.385
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(20.613.912)	-
Cộng	<u>2.841.110</u>	<u>196.429.412</u>

11. Lãi trên cổ phiếu**11a. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	24.659.780.215	7.266.744.633
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	24.659.780.215	7.266.744.633
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	13.221.234	13.221.234
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.865</u>	<u>550</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	13.221.234	13.221.234
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>13.221.234</u>	<u>13.221.234</u>

11b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	487.907.919.818	735.863.568.565
Chi phí nhân công	61.561.344.485	55.461.158.338
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.804.869.279	19.029.618.996
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.698.365.001	31.555.165.863
Chi phí khác	168.086.493.431	144.335.430.356
Cộng	<u>765.058.992.014</u>	<u>986.244.942.118</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm Tập đoàn phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tăng tài sản ghi nhận thu nhập	7.953.000.000	-
Cộng	7.953.000.000	-

2. Tiền thu từ đi vay

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.224.340.303.207	1.534.631.273.246
Cộng	1.224.340.303.207	1.534.631.273.246

3. Tiền trả nợ gốc vay

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(1.230.690.735.413)	(1.575.957.254.291)
Cộng	(1.230.690.735.413)	(1.575.957.254.291)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Thù lao	192.000.000	-
Trả tiền vay	-	850.000.000
Mượn tiền không tính lãi	34.190.000.000	-
Trả tiền mượn	34.190.000.000	-
Cho mượn tiền không tính lãi	2.500.000.000	-
Thu lại tiền cho mượn	2.500.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.17a.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng	943.360.910	1.457.027.473
Phụ cấp, thù lao	120.000.000	422.000.000
Cộng	1.063.360.910	1.879.027.473

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Cà Mau	Cổ đông sáng lập
Công ty TNHH một thành viên chế biến thủy sản Hải Nam	Thành viên góp vốn vào Công ty TNHH thủy sản Camimex

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Cà Mau		
Vay ngắn hạn	95.303.138.760	-
Trả nợ vay ngắn hạn	(96.760.838.424)	-
Công ty TNHH một thành viên chế biến thủy sản Hải Nam		
Mua hàng hóa	62.779.632.695	83.236.255.554
Mượn tiền không tính lãi	12.301.966.095	-
Trả tiền mượn	(5.743.257.233)	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thoả thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.4a, V.12, V.16, V.18a, V.18b.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là hoạt động kinh doanh thủy sản gồm: Chế biến hàng thủy sản, gia công hàng thủy sản, mua bán hàng thủy sản và nuôi trồng thủy sản. Doanh thu từ các hoạt động khác chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.3.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố ở trong nước và nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trong nước	60.207.413.527	23.797.508.714
Nước ngoài	752.047.622.045	869.453.769.308
Cộng	812.255.035.572	893.251.278.022

3. Số liệu so sánh

Áp dụng Chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này. Chi tiết như sau:

	Mã số	Số liệu trước trình bày lại	Phân loại lại	Số liệu trình bày lại	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán hợp nhất					
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	8.022.123.943	4.047.693.360	12.069.817.303	(i)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	79.351.700	79.351.700	(ii)
Tài sản ngắn hạn khác	155	4.127.045.060	(4.127.045.060)	-	(iii)
Phải thu dài hạn khác	216	-	132.371.200	132.371.200	(iv)
Tài sản dài hạn khác	268	132.371.200	(132.371.200)	-	(v)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	401.366.237.071	603.000.000	401.969.237.071	(vi)
Phải trả ngắn hạn khác	319	38.907.038.572	(603.000.000)	38.304.038.572	(vii)

(i) Phải thu ngắn hạn khác

Các điều chỉnh bao gồm:

Trình bày lại khoản tạm ứng

Cộng

4.047.693.360

4.047.693.360



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(ii)	Tài sản thiếu chờ xử lý	
	Các điều chỉnh bao gồm:	
	Trình bày lại khoản tài sản thiếu chờ xử lý	79.351.700
	Cộng	79.351.700
(iii)	Tài sản ngắn hạn khác	
	Các điều chỉnh bao gồm:	
	Trình bày lại khoản tạm ứng	(4.047.693.360)
	Trình bày lại khoản tài sản thiếu chờ xử lý	(79.351.700)
	Cộng	(4.127.045.060)
(iv)	Phải thu dài hạn khác	
	Các điều chỉnh bao gồm:	
	Trình bày lại khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	132.371.200
	Cộng	132.371.200
(v)	Tài sản dài hạn khác	
	Các điều chỉnh bao gồm:	
	Trình bày lại khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	(132.371.200)
	Cộng	(132.371.200)
(vi)	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	
	Các điều chỉnh bao gồm:	
	Trình bày lại khoản tiền mượn	603.000.000
	Cộng	603.000.000
(vii)	Phải trả ngắn hạn khác	
	Các điều chỉnh bao gồm:	
	Trình bày lại khoản tiền mượn	(603.000.000)
	Cộng	(603.000.000)

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

350
C
CHI
MTC
A
TINH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là vừa phải.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.256.404.470	-	-	-	11.256.404.470
Phải thu khách hàng	63.246.183.276	-	-	12.159.931.690	75.406.114.966
Các khoản phải thu khác	3.474.804.747	-	-	511.500.129	3.986.304.876
Cộng	77.977.392.493	-	-	12.671.431.819	90.648.824.312
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.142.888.199	-	-	-	7.142.888.199
Phải thu khách hàng	32.555.375.031	-	-	11.569.878.901	44.125.253.932
Các khoản phải thu khác	2.647.832.745	-	5.050.000.000	456.662.398	8.154.495.143
Cộng	42.346.095.975	-	5.050.000.000	12.026.541.299	59.422.637.274

4b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	396.166.992.487	4.497.394.000	-	400.664.386.487
Phải trả người bán	154.494.403.296	-	-	154.494.403.296
Các khoản phải trả khác	24.622.836.658	450.000.000	-	25.072.836.658
Cộng	575.284.232.441	4.947.394.000	-	580.231.626.441

44981
NG T
HIỆM H
AN VÀ T
& C
T.P.H.C

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số đầu năm				
Vay và nợ	407.849.452.837	5.912.889.030	-	413.762.341.867
Phải trả người bán	107.582.171.788	-	-	107.582.171.788
Các khoản phải trả khác	30.597.257.357	200.000.000	-	30.797.257.357
Cộng	546.028.881.982	6.112.889.030	-	552.141.771.012

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là cao. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 01 tháng 01 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa, nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	265.398,36	19,66	131.337,84	19,66
Phải thu khách hàng	1.687.574,48	-	1.927.188,18	-
Vay và nợ	(7.542.469,20)	-	(13.555.230,93)	-
Phải trả người bán	(1.968.952,96)	-	-	-
Tài sản/Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ	(7.558.449,32)	19,66	(11.496.704,91)	19,66

3-C.T.T
Y
UHAN
U VẤN
CHI NH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 3.066.614.059 VND (năm trước giảm/tăng 3.930.769.396 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do nợ thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	-	-
Vay và nợ	(213.344.331.407)	(7.542.469,20)	(116.830.786.921)	(13.555.230,93)
Nợ phải trả thuần	(213.344.331.407)	(7.542.469,20)	(116.830.786.921)	(13.555.230,93)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 3.840.197.965 VND (năm trước giảm/tăng 2.336.615.738 VND).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay USD có lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 1.530.065.302 VND (năm trước giảm/tăng 2.896.617.297 VND).

Rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa, nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

4d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn thế chấp các khoản nợ phải thu khách hàng để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng (xem thuyết minh số V.2). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 75.406.114.966 VND (số đầu năm là 44.125.253.932 VND).

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.256.404.470	7.142.888.199	11.256.404.470	7.142.888.199
Phải thu khách hàng	75.406.114.966	44.125.253.932	63.246.183.276	32.851.653.042
Các khoản phải thu khác	3.986.304.876	8.154.495.143	3.474.804.747	7.699.990.343
Cộng	90.648.824.312	59.422.637.274	77.977.392.493	47.694.531.584
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	400.664.386.487	407.096.483.264	400.664.386.487	407.096.483.264
Phải trả người bán	154.494.403.296	107.582.171.788	154.494.403.296	107.582.171.788
Các khoản phải trả khác	25.072.836.658	30.797.257.357	25.072.836.658	30.797.257.357
Cộng	580.231.626.441	545.475.912.409	580.231.626.441	545.475.912.409

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lữ Hồng Lam
Người lập biểu

Nguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởng

Cà Mau, ngày 22 tháng 3 năm 2016

Nguyễn An Ninh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: Số 333 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục I: Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Số đầu năm	61.856.670.911	161.178.309.614	8.657.706.898	2.444.368.516	8.905.781.380	243.042.837.319
Tăng trong năm	12.296.431.283	10.943.264.200	6.964.404.545	545.126.527	-	30.749.226.555
Mua sắm mới	2.857.698.384	8.641.881.610	6.964.404.545	545.126.527	-	19.009.111.066
Xây dựng cơ bản hoàn thành	2.214.132.492	1.960.584.440	-	-	-	4.174.716.932
Tăng khác	7.224.600.407	340.798.150	-	-	-	7.565.398.557
Giảm do thanh lý, nhượng bán	(122.285.853)	(355.980.396)	(481.564.286)	-	-	(959.830.535)
Số cuối năm	74.030.816.341	171.765.593.418	15.140.547.157	2.989.495.043	8.905.781.380	272.832.233.339
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	11.549.475.388	31.527.310.790	126.254.878	2.208.903.440	-	45.411.944.496
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	41.157.849.885	94.248.389.873	3.641.133.416	2.155.896.858	2.864.742.590	144.068.012.622
Khấu hao trong năm	3.214.254.640	9.644.518.345	1.294.988.733	94.331.808	-	14.248.093.526
Giảm do thanh lý, nhượng bán	(61.142.940)	(178.272.330)	(65.317.190)	-	-	(304.732.460)
Số cuối năm	44.310.961.585	103.714.635.888	4.870.804.959	2.250.228.666	2.864.742.590	158.011.373.688
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	20.698.821.026	66.929.919.741	5.016.573.482	288.471.658	6.041.038.790	98.974.824.697
Số cuối năm	29.719.854.756	68.050.957.530	10.269.742.198	739.266.377	6.041.038.790	114.830.859.651
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Cà Mau, ngày 22 tháng 3 năm 2016



(Handwritten signature)

(Handwritten signature)

Lữ Hồng Lam

Người lập biểu

Nguyễn Trọng Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn An Ninh

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

Địa chỉ: số 333 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 2: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	132.212.340.000	1.995.223.836	(99.729.434.066)	34.478.129.770
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	7.266.744.633	7.266.744.633
Số dư cuối năm trước	132.212.340.000	1.995.223.836	(92.462.689.433)	41.744.874.403
Số dư đầu năm nay	132.212.340.000	1.995.223.836	(92.462.689.433)	41.744.874.403
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	24.659.780.215	24.659.780.215
Số dư cuối năm nay	132.212.340.000	1.995.223.836	(67.802.909.218)	66.404.654.618

Cà Mau, ngày 22 tháng 3 năm 2016



Lữ Hồng Lam
Người lập biểu

Nguyễn Trọng Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn An Ninh
Tổng Giám đốc